

Số: 01 /2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7 sửa đổi bổ sung lần thứ 12 thông qua Đại hội đồng cổ đông ngày 29/4/2021.

- Căn cứ Biên bản số 01 BB/SĐ7-DHĐCĐ ngày 29/04/2021 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua tình hình thực hiện SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chính sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	69,7	2,59	3,72%
2	Doanh thu	Tỷ.đ	51,0	2,59	5,08%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	2	1,3	65,00%
4	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	121,887	101,40%
5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	8,0	8,5	106,2%
6	CBCNV bình quân	Người	60	25	41,67%

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	38,02	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	32,3	
3	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ.đ	1,2	
4	Lợi nhuận	Tỷ.đ		
-	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>Tỷ.đ</i>	<i>(1,5)</i>	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	
6	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	106,0	
7	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	9,0	
8	CBCNV làm việc bình quân	Người	25	

Căn cứ tình hình thực tế công tác SXKD năm 2021, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD trên phù hợp với thực tế để thực hiện.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III 2016÷2021 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2021÷2026) của Hội đồng quản trị Công ty.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC báo cáo số 060421.002/BCTC-AASC.KT5 ngày 06/04/2021.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Tính đến thời điểm 31/12/2020, căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Sông Đà 7 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty lợi nhuận sau thuế lỗ (-1,478 tỷ đồng).

Do lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ (-1,478 tỷ đồng) nên Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

6. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị phối hợp với ban kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

7. Thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty năm 2020 và phương án chi trả thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2021 như sau:

7.1. Thực hiện trả thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2020.

Do lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ (-1,478 tỷ đồng) và hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả nên năm 2020 không chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký.

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2021.

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty hoàn thành $\geq 100\%$ kế hoạch năm: thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát và thư ký HĐQT tối đa như sau:

TT	Chức danh	Thù lao/tháng/người (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	3.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
4	Thành viên BKS	1.500.000
5	Thư ký HĐQT	1.500.000

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $< 100\%$ kế hoạch năm: thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị chi trả tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách nếu đã hưởng lương tại đơn vị thì không được hưởng thù lao.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

8. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động và thẩm định năm 2020 của Ban kiểm soát (Có báo cáo chi tiết kèm theo).

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

9. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt các nội dung:

9.1 Phê duyệt phương án và lựa chọn thời điểm, cũng như địa điểm di chuyển trụ sở chính Công ty từ Sơn La về Hòa Bình hoặc Hà Nội.

9.2. Phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty khi có thay đổi địa điểm di chuyển trụ sở.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

9.3. Ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành;

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

9.4. Phê duyệt các thủ tục liên quan đến đầu tư dự án, ký hợp đồng nhà thầu (nếu có);

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10. Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung:

10.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10.2 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10.3 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10.4 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát:

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

11. Báo cáo phương án nhân sự bầu HĐQT/BKS nhiệm kỳ IV (2021÷2026).

Biểu quyết chấp thuận với 6.757.915 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

12. Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2021÷2026):

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thống nhất bầu các Ông/Bà sau trúng cử làm thành viên HĐQT/BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2021÷2026):

12.1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2021÷2026) gồm các Ông/Bà:

- (1) Ông: Nguyễn Hữu Doanh Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%
- (2) Ông: Trần Văn Tài Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 100,23%
- (3) Ông: Quát Văn Quang Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%

- Kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị ông *Nguyễn Hữu Doanh* được các thành viên HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ IV (2021÷2026), với tỷ lệ biểu quyết: 3/3 thành viên tham dự họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%.

12.2. Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021÷2026) gồm các Ông/Bà:

- (1) Ông: Nguyễn Thế Hoàng Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%
- (2) Ông: Bùi Phan Thanh Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 100,89%
- (3) Ông: Nguyễn Anh Lam Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%

- Kết quả cuộc họp Ban kiểm soát bầu Trưởng ban kiểm soát: Ông *Nguyễn Thế Hoàng* được các thành viên BKS bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ IV (2021÷2026), với tỷ lệ biểu quyết: 3/3 thành viên tham dự họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cổ phần Sông Đà 7 triển khai, thực hiện các nội dung trên theo đúng Quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng Giám đốc Công ty và những người có liên quan căn cứ Quyết nghị thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN (B/c);
- Website Cty;
- Lưu VP.HĐQT.



Nguyễn Hữu Doanh

Số: 01/BB/2021-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Sông Đà 7, mã chứng khoán SD7

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, h. Mường La, tỉnh Sơn La
Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 18/07/2019

Thời gian họp: Bắt đầu lúc 8h30' ngày 29 tháng 04 năm 2021

Kết thúc hồi 11h30' ngày 29 tháng 04 năm 2021

Địa điểm họp: tại Văn phòng Ô 36, V5A, khu đô thị Văn Phú, P. Phú La, quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội.

Chương trình và nội dung: Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua .

Chủ tọa đại hội : Ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tịch HĐQT
nhiệm kỳ 2016-2021

Thư ký đại hội : Bà Chu Thị Chiền

Thành phần tham dự:

- Tất cả các cổ đông đang sở hữu mã chứng khoán SD7 có tên trong danh sách được chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 29/03/2021.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.
- Khách mời: Các trường phòng ban Công ty, đại diện các tổ chức Công đoàn, Đoàn TN Công ty.

DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI:

Phần 1: Thủ tục Khai mạc đại hội

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Cao Sơn – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông tham dự họp như sau:



Tính đến thời điểm 10 h 00' phút số cổ đông về dự ĐHĐCĐ 2021 có 09 cổ đông; Sở hữu và đại diện ủy quyền: 6.765.615 cổ phần; tương đương 63,83%, đại diện cho 10.600.000 số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ vào luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 đủ điều kiện tiến hành.

2. Khai mạc ĐH và giới thiệu Đại biểu tham dự: Bà Chu Thị Chiến thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do khai mạc đại hội và giới thiệu mời Ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa điều hành Đại hội

3. Chủ tọa Đại hội đã chỉ định Bà Chu Thị Chiến - Thư ký Công ty : làm thư ký đại hội và được đại hội nhất trí thông qua.

4. Chủ tọa Đại hội đề cử Ban kiểm phiếu gồm 03 (ba) Ông/Bà gồm:

- Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Ban kiểm soát: Trưởng ban

- Ông Đặng Quang Hiệu - Phòng TCKT: Thành viên

- Bà Ngô Thị Hà Oanh - Chuyên viên Phòng TCNS: Thành viên

Thành phần Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ năm 2021 nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

5. Thông qua chương trình Đại hội và quy chế làm việc, Nguyên tắc thể lệ biểu quyết của Đại hội.

Đại hội đã thông qua chương trình và Quy chế làm việc, Nguyên tắc thể lệ biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bằng hình thức biểu quyết trực tiếp nhất trí thông qua với tỷ lệ đồng ý đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Phần II. Các nội dung trình bày ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét thông qua:

1. Ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020; Tổng kết nhiệm kỳ III (2016÷2021) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2016÷2021); Phương án ủy quyền cho HĐQT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021, với một số chỉ tiêu chính như sau:

a) Thực hiện SXKD năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	69,7	2,59	3,72%
2	Doanh thu	Tỷ.đ	51,0	2,59	5,08%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	2	1,3	65,00%
4	Lợi nhuận				

-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,478	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	121,887	101,40%
5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	8,0	8,5	106,2%
6	CBCNV bình quân	Người	60	25	41,67%

b) Kế hoạch SXKD năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	38,02	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	32,3	
3	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ.đ	1,2	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	(1,5)	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	
6	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	106,0	
7	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	9,0	
8	CBCNV làm việc bình quân	Người	25	

2. Ông Đặng Quang Hiệu – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và trình PA phê chuẩn ủy quyền cho HĐQT phối hợp với BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

3. Ông Nguyễn Văn Long – Thành viên HĐQT Công ty, trình bày Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2020; phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

3.1. Thực hiện trả thù lao năm 2020

Do lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ (-1,478 tỷ đồng) và hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả nên năm 2020 không chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký.

3.2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty hoàn thành $\geq 100\%$ kế hoạch năm: thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát và thư ký HĐQT tối đa như sau:

TT	Chức danh	Thù lao/tháng/người (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	3.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
4	Thành viên BKS	1.500.000
5	Thư ký HĐQT	1.500.000

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty < 100% kế hoạch năm: thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty chi trả tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách nếu đã hưởng lương tại đơn vị thì không được hưởng thù lao.

4. Ông Nguyễn Anh Lam – Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động và thẩm định năm 2020.

5. Ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình phương án ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm, cũng như địa điểm di chuyển trụ sở chính Công ty từ Sơn La về Hòa Bình hoặc Hà Nội.

6. Ông Quát Văn Quang – Thành viên HĐQT trình bày tờ trình phương án phê duyệt thuê Tổng giám đốc điều hành Công ty.

7. Ông Đặng Quang Hiệu – Thành viên HĐQT trình bày tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.

8. Ông Quát Văn Quang – Thành viên HĐQT trình bày tờ trình thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

9. Ông Nguyễn Anh Lam – Thành viên Ban kiểm soát Công ty trình bày tờ trình thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

10. Ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tịch HĐQT Công ty Báo cáo phương án nhân sự bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026

Phần III. THẢO LUẬN:

Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2021 tiến hành thảo luận chi tiết trên tinh thần dân chủ.

Phần IV. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI :

Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau.

1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

Các phương án biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 và phương án điều chỉnh (nếu có):

Các phương án biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III (2016÷2021) và kế hoạch nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021÷2026) của Hội đồng quản trị Công ty:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

4. Thông qua báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

5. Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

6. Thông qua phương án ủy quyền cho HĐQT, Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

7. Thông qua báo cáo quyết toán chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 và Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

8. Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định năm 2020 của Ban kiểm soát.

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

9. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt các nội dung:

9.1. Tờ trình phương án lựa chọn thời điểm, cũng như địa điểm di chuyển trụ sở chính Công ty từ Sơn La về Hòa Bình hoặc Hà Nội:

9.2. Phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty khi có thay đổi địa điểm di chuyển trụ sở.

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

9.3. Ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc điều hành;

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		

Ý kiến khác		
-------------	--	--

9.4. Phê duyệt các thủ tục liên quan đến đầu tư dự án, ký hợp đồng nhà thầu (nếu có).

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

10. Thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung:

10.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

10.2 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

10.3 Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

10.4 Thông qua tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát:

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

11. Thông qua báo cáo phương án nhân sự bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ (2021÷2026):

Các PA biểu quyết	Số CP biểu quyết	Đạt tỷ lệ % số CP dự họp
Đồng ý	6.757.915	100%
Không đồng ý		
Ý kiến khác		

12. Kết quả bầu cử HĐQT/BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2021÷2026):

Đại hội đồng cổ thường niên năm 2021 của Công ty đã thống nhất bầu các Ông/Bà sau trúng cử làm thành viên HĐQT/BKS Công ty IV (2021÷2026):

12.1. Hội đồng quản trị gồm các ông:

- (1) Ông: Nguyễn Hữu Doanh Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%
- (2) Ông: Trần Văn Tài Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 100,23%
- (3) Ông: Quát Văn Quang Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%

- Kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông *Nguyễn Hữu Doanh* được các thành viên HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ IV (2021÷2026), với tỷ lệ biểu quyết: 3/3 thành viên dự họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%.

12.2. Ban kiểm soát gồm các ông:

- (1) Ông Nguyễn Thế Hoàng Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%
- (2) Ông Bùi Phan Thanh Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 100,23%
- (3) Ông Nguyễn Anh Lam Tỷ lệ phiếu bầu đạt: 99,89%

- Kết quả cuộc họp Ban kiểm soát bầu Trưởng ban: Ông *Nguyễn Thế Hoàng* được các thành viên BKS bầu giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ IV (2021÷2026), với tỷ lệ biểu quyết: 3/3 thành viên dự họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%.

Phần V. Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7: biểu quyết trực tiếp bằng phiếu biểu quyết, tỷ lệ đồng ý đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Sông Đà 7 kết thúc hồi 11 giờ 15 phút cùng ngày.

**TM. ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG ĐOÀN**


Chu Thị Chiến



Số: 03/2021/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Tổng kết nhiệm kỳ thứ III (2016÷2021)
Và Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021÷2026)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Kính thưa Đại hội!

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 ngày 26/4/2019;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (SD7) xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Tổng kết nhiệm kỳ thứ III của HĐQT (2016÷2021) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ thứ IV (2021÷2026) như sau:

Phần I:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH năm
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	69,7	2,59	3,72%
2	Doanh thu	Tỷ.đ	51,0	2,59	5,08%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	2	1,3	65,00%
4	Lợi nhuận				
-	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>Tỷ.đ</i>	-1,5	-1,478	
-	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Tỷ.đ</i>	-1,5	-1,478	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	121,887	101,40%
5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	8,0	8,5	106,2%
6	CBCNV bình quân	Người	60	25	41,67%

*. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Sắp xếp bố trí văn phòng làm việc, đã tìm các đối tác thuê lại toàn bộ sàn HH4 đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tìm hiểu thị trường việc làm để tìm kiếm các công việc phù hợp với năng lực và thể mạnh của Công ty trong giai đoạn hiện tại.

*. Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động:

- Thường xuyên tăng cường kiểm tra, kiểm soát theo biện pháp và tiến độ thi công đã được phê duyệt để đảm bảo khối lượng, chất lượng, tiến độ công trình.

- Đã tuân thủ quy trình về các bước hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán.

- Công tác an toàn lao động đã được đảm bảo, không để tai nạn lao động xảy ra.

*. Công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ

- **Thủy điện Sơn La:** Đã đối chiếu toàn bộ giá trị đã quyết toán với BDH dự án Thủy điện Sơn La theo từng mục, hạng mục để tiến hành ký biên bản quyết toán và thanh lý công trình:

- **Thủy điện Nậm Chiến:** Đã đối chiếu các bộ hồ sơ đã quyết toán với BDH dự án Thủy điện Nậm Chiến đang kiểm tra một số hạng mục còn lại để tiến hành thanh lý:

- **Thủy điện Lai Châu:** Đã hoàn thành công tác quyết toán phần xây lắp với Chủ đầu tư, bảo vệ khối lượng và giá trị trước kiểm toán nhà nước hiện công trình chỉ còn 03 nội dung chưa được giải quyết dứt điểm bao gồm:

+ Chênh lệch giá nước sản xuất và sinh hoạt các năm báo nợ Sông Đà 11

+ Chênh lệch giá gạch bê tông xây buồng phòng nhà máy báo nợ Sông Đà 6.

+ Phần bê tông lẹm thu của Sông Đà 10: Do Công ty Cổ phần Sông Đà 10 không bố trí được cán bộ kiểm tra thực hiện công văn số 209 TCT/Kte ngày 12/11/2015 về việc “Phê duyệt phương án giải quyết công tác nghiệm thu, thanh toán bê tông lẹm tại các công trình thủy điện của Tổng công ty Sông Đà”. Đơn vị đã ký xác nhận được giá trị với BDH dự án Thủy điện Lai Châu.

+ Đang tiến hành đối chiếu phục vụ việc ký biên bản quyết toán và thanh lý công trình.

- **Thủy điện Bản Chát:** Đã ký quyết toán và thanh lý công trình với chủ đầu tư đang tiến hành thanh lý nội bộ với Tổng công ty Lycogi – Công ty cổ phần. Đơn đốc thu hồi dứt điểm công nợ với Licogi và phần còn lại với chủ đầu tư .

- **Thủy điện Hồ Hô:** Đã cử cán bộ tích cực bám sát Chủ đầu tư nhằm thu hồi công nợ và phê duyệt phần khối lượng, giá trị phát sinh, tuy nhiên Chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính, thường xuyên tìm cách trì hoãn, không hợp tác.

*. Công tác tài chính - tín dụng

- Thực hiện giảm nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng từ 165 tỷ xuống còn 137 tỷ. Trong năm đã thu hồi được hơn 24,7 tỷ đồng tiền phải thu của khách hàng.

- Đã thanh toán toàn bộ tiền bảo hiểm cho bảo hiểm xã hội Sơn La, Đã hoàn thành toàn bộ nợ gốc với Cục thuế Tỉnh Sơn La và Cục thuế tỉnh Lai Châu.

- Đã ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh 1 cách kịp thời.

***. Đánh giá công tác quản lý, hoạt động điều hành của HĐQT năm 2020:**

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát Ban tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật, quy chế, quy định cũng như các Nghị quyết của HĐQT Công ty, cụ thể như sau:

Năm 2020 HĐQT Công ty đã ban hành: 07 Nghị quyết và 06 Quyết định.

2. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT năm 2020:

Hội đồng quản trị đã thực hiện các họp thường kỳ và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nội dung các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và ủy quyền của ĐHCĐ thường niên.

Tình hình tham dự các cuộc họp định kỳ của các thành viên HĐQT:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)
1	NGUYỄN HỮU DOANH	Chủ tịch	5	100
2	QUÁT VĂN QUANG	Thành viên	5	100
3	TRẦN VĂN TÀI	Thành viên	5	100
4	ĐẶNG QUANG HIỆU	Thành viên	5	100
5	NGUYỄN VĂN LONG	Thành viên	5	100

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

- HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua chương trình làm việc tại các cuộc họp HĐQT. HĐQT luôn đảm bảo giám sát công việc thực hiện của Ban Tổng giám đốc trong điều hành công việc về hoạt động SXKD của Công ty cũng như giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ của công ty và các quyết định của HĐQT đã được thông qua.

- Giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành và quản lý Công ty.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo

cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.

- HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng Nghị quyết/Biên bản sau mỗi kỳ họp, Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

5.1. Mục tiêu chung:

a. Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà - Công ty Cổ phần và các Ban điều hành: 06 tháng đầu năm phải thu hồi 50% số Công nợ và hoàn thành 100% trong 6 tháng cuối năm để có nguồn vốn phục hồi sản xuất;

b. Tiếp tục tiến hành thoái vốn khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Khoáng Sản Luyện Kim Việt Nam - Mirex, tìm đối tác thực hiện dự án Đồng Quang – Quốc Oai khi có điều kiện thích hợp;

c. Thanh lý hợp đồng các Công trình đơn vị đã thi công.

d. Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của công ty khi có điều kiện thích hợp. Trước mắt tập trung tiếp thị đấu thầu một số dự án do Công ty CP Đầu tư đô thị Sông Đà 7 làm Chủ đầu tư;

4.2. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	38,02	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	32,3	
3	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ.đ	1,2	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	
6	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	106,0	
7	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	9,0	
8	CBCNV làm việc bình quân	Người	25	

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Đà 7. Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV rất mong nhận được sự đóng góp ủng hộ của các cổ đông để hoàn thành mục tiêu đã đề ra và đồng thời cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty và các thủ tục liên quan đến đầu tư dự án, ký Hợp đồng nhà thầu (nếu có).

Phần II

TỔNG KẾT NHIỆM KỲ THỨ III (2016 ÷ 2021)

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó trọng trách, HĐQT nhiệm kỳ III (2016÷2021), đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tập trung tuyệt đối vào công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ giải thể các đơn vị làm ăn thua lỗ nhiều năm, sắp xếp định biên nhân lực đảm bảo tinh giảm gọn nhẹ, hoạt động phù hợp với tình hình năng lực thực tế của đơn vị. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

T T	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	148,8	90,2	50,7	34,2	2,59
2	Doanh thu	Tỷ.đ	187,2	226,9	72,6	63,5	2,59
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	4,3	12,24	7,6	6,5	1,3
4	Lợi nhuận						
-	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	Tỷ.đ	-211	-17,6	1,03	1,66	-1,478
-	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	Tỷ.đ	-211	-17,6	1,03	1,66	-1,478
5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	6,2	6,5	8,0	8,5	8,5
6	CBCNV bình quân	Người	200	100	68	25	25
7	Đầu tư	Tỷ.đ	0	0	0	0	0

Kết quả của nhiệm kỳ 5 năm từ năm 2016÷2020 hầu hết không đạt được kế hoạch nguyên nhân chính là do Công ty không có vốn để phát triển sản xuất kinh doanh hầu hết nguồn vốn của Công ty đang đọng lại tại các dự án chỉ định thầu của Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu như Công trình Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Nậm Chiến. Công tác giải ngân chậm thậm chí Ban A đã giải ngân nhưng Tổng Công ty Sông Đà vẫn chưa thanh toán cho nhà thầu. Chỉ tiêu lợi nhuận giảm sâu so với kế hoạch là do Công ty đã xử lý những Công trình những hạng mục treo dở dang chỉ mang tính con số mà thực tế là không có hoặc giá trị đã bị giảm rất nhiều nhằm minh bạch số liệu tài chính Công ty. Ngoài ra nguyên nhân nữa là do dịch bệnh Covid, năm 2020 gần như công ty không sản xuất kinh doanh

2. Tổng kết về hoạt động của HĐQT:

Trong nhiệm kỳ (2016÷2021), HĐQT Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban Tổng giám

độc và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế, quy định cũng như các Nghị quyết của HĐQT Công ty, cụ thể như sau:

2.1. Về Công tác nhân sự HĐQT nhiệm kỳ (2016÷2021):

Nhiệm kỳ 2016÷2021 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 tín nhiệm bầu ra gồm 05 thành viên:

1. Ông Nguyễn Hữu Doanh - Chủ tịch
2. Ông Quát Văn quang - Thành viên.
3. Ông Trần Văn Tài - Thành viên.
4. Ông Nguyễn Bá Viễn - Thành viên.
5. Ông Nguyễn Trọng Bắc - Thành viên.

Trong nhiệm kỳ do điều kiện cá nhân có đơn xin từ nhiệm

Ngày 19/9/2016 Hội đồng quản trị đã nhận được đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Bá Viễn vì lý do cá nhân và đã bầu bổ sung Ông Đặng Quang Hiệu tham gia Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 04/01/2017, Hội đồng quản trị đã nhận được đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Trọng Bắc và đã bầu bổ sung Ông Nguyễn Văn Long tham gia Thành viên Hội đồng quản trị .

HĐQT đã báo cáo thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê chuẩn miễn nhiệm và bầu bổ sung các ông trên.

Các thành viên HĐQT đến thời điểm hiện nay bao gồm

1. Ông Nguyễn Hữu Doanh - Chủ tịch
2. Ông Quát Văn quang - Thành viên.
3. Ông Trần Văn Tài - Thành viên.
4. Ông Đặng Quang Hiệu - Thành viên.
5. Ông Nguyễn Văn Long - Thành viên

2.2. Ban hành các Nghị quyết, Quyết định về quản lý:

Trong nhiệm kỳ 2016÷2021 Hội đồng quản trị đã ban hành 96 nghị quyết và ban hành 35 Quyết định cùng nhiều các văn bản chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các nội dung Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được công bố thông tin theo định kỳ và thể hiện đầy đủ tại Báo cáo thường niên hàng năm.

1. Kết quả giám sát đối với Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý

***. Về công tác kiện toàn nhân sự Ban Tổng giám đốc Công ty:**

Trong nhiệm kỳ 2016÷2021, Hội đồng quản trị đã triển khai việc kiện toàn nhân sự Ban Tổng giám đốc để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn. Mặc dù đã kiện toàn nhưng số lượng nhân sự Ban Tổng giám đốc còn thiếu so với yêu cầu song các phó Tổng giám đốc đã rất nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.

2. Về công tác điều hành SXKD của Công ty:

Ban tổng giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty, các thành viên trong Ban Tổng giám đốc luôn thể hiện trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công và triển khai kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao.

*** Một số các vấn đề tồn tại trong nhiệm kỳ (2016÷2021):**

Bên cạnh những kết quả đạt được, HĐQT đánh giá hoạt động của Công ty giai đoạn (2016÷2021) còn bộc lộ một số tồn tại, cụ thể như sau:

Mới khắc phục được công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ và giảm nợ vay ngân hàng nhưng chưa thực hiện phục hồi được SXKD trở lại, chưa tìm được việc làm phù hợp với năng lực thực tế hiện nay của đơn vị.

Công tác thu vốn tại các dự án do Tổng Công ty Sông Đà làm chủ đầu tư vẫn còn kéo dài nhiều năm chưa dứt điểm nên bị ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm và kế hoạch và kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

PHẦN III:

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ IV 2021÷2026:

1. Mục tiêu:

- Thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ công việc trong định hướng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2026 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Tiếp tục chiến lược phát triển trên cơ sở hai lĩnh vực kinh doanh nòng cốt: Thủy điện và SXVLXD và hạ tầng đô thị & khu công nghiệp.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT:

- Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền với trách nhiệm. Thường xuyên rà soát để hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành cũng như cơ chế phối hợp với Ban kiểm soát, các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết nội bộ tại doanh nghiệp.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại hiện nay về công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ, tạo tiền đề cho SD7 tiếp tục ổn định và phát triển bứt phá trong nhiệm kỳ mới.

- Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành Công ty bám sát các nội dung trong định hướng chiến lược phát triển giai đoạn (2021÷2026) để triển khai trở lại các hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng và thực hiện các giải pháp hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quy mô hoạt động SXKD của đơn vị,

3. Về công tác chỉ đạo SXKD:

Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc:

- Tập trung công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các công trình đã hoàn thành do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu,
- Xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính của Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết; Thoái vốn một số khoản đầu tư khi có điều kiện;
- Chuẩn bị nguồn vốn, nhân lực, máy móc, thiết bị để triển khai thi công các công trình khi trúng thầu.
- Xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ và nâng cao ý thức cho người lao động, tạo môi trường làm việc thân thiện, kế thừa các giá trị truyền thống.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng giám đốc nhiệm kỳ III (2016÷2021) của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 Báo cáo để Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét./.

Nơi nhận:

- Như kg;
- Lưu VT; HĐQT.



Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 7

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc Hội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 060421.002/BCTC.KT5 ngày 06/04/2021 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021, báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021, cụ thể như sau:

A. Báo cáo tài chính năm 2020 (Có bản Báo cáo kiểm toán số 060421.002/BCTC.KT5 ngày 06/04/2021 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kèm theo).

B. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

Do năm 2020 Công ty bị lỗ nên không thực hiện phân phối lợi nhuận.

C. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

Đề nghị Đại hội uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty chủ động lựa chọn một trong hai Công ty Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

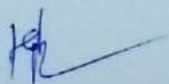
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.296.775.473	184.281.819.715
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.988.514.766	2.972.674.240
111	1. Tiền		988.514.766	2.972.674.240
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.200.000.000	16.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.200.000.000	16.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		137.094.904.344	165.100.728.040
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	115.346.474.258	135.184.326.328
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.237.750.994	1.958.647.391
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	15.300.000.000	3.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	23.273.932.588	43.941.996.692
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.063.253.496)	(19.284.242.371)
140	IV. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
141	1. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.008.876.363	203.937.435
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.923.629.448	21.532.829
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.085.246.915	182.404.606
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.191.151.134	47.018.666.369
220	I. Tài sản cố định		224.694.917	224.694.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	224.694.917	224.694.917
222	- Nguyên giá		6.563.942.848	12.123.701.309
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.339.247.931)	(11.899.006.392)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.452.644.455	27.452.644.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.746.413.455	41.746.413.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.408.758.778	14.408.758.778
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.702.527.778)	(28.702.527.778)
260	III. Tài sản dài hạn khác		18.513.811.762	19.341.326.997
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.513.811.762	19.341.326.997
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.487.926.607	231.300.486.084

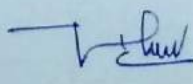
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		82.600.832.411	107.934.975.115
310	I. Nợ ngắn hạn		79.410.851.411	104.744.994.115
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	31.652.380.816	37.498.417.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		242.624.123	231.877.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.056.460.051	6.240.498.409
314	4. Phải trả người lao động		1.037.198.573	1.323.295.355
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	29.339.780.805	31.888.012.762
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	11.082.407.043	11.559.409.913
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	-	16.003.482.000
330	II. Nợ dài hạn		3.189.981.000	3.189.981.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	3.189.981.000	3.189.981.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.887.094.196	123.365.510.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	121.887.094.196	123.365.510.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		106.000.000.000	106.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.000.000.000	106.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.064.931.325	13.064.931.325
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.822.162.871	4.300.579.644
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.300.579.644	2.631.657.035
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.478.416.773)	1.668.922.609
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.487.926.607	231.300.486.084

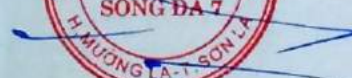


Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu



Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

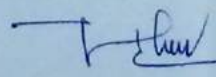
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.587.469.744	63.511.356.976
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.587.469.744	63.511.356.976
11	3. Giá vốn hàng bán	20	1.177.412.648	47.055.212.300
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.410.057.096	16.456.144.676
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	958.862.570	4.142.214.353
22	6. Chi phí tài chính	22	165.017.773	12.050.196.689
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>165.017.773</i>	<i>10.869.041</i>
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.916.798.900	7.640.232.672
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.712.897.007)	907.929.668
31	9. Thu nhập khác	24	1.264.885.392	902.676.034
32	10. Chi phí khác	25	30.405.158	141.683.093
40	11. Lợi nhuận khác		1.234.480.234	760.992.941
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.478.416.773)	1.668.922.609
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.478.416.773)	1.668.922.609
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(139)	157




Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu


Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.478.416.773)	1.668.922.609
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(331.950.575)	(31.990.173.636)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		748.337.642	615.473.330
03	- Các khoản dự phòng		(220.988.875)	(28.474.301.654)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.024.317.115)	(4.142.214.353)
06	- Chi phí lãi vay		165.017.773	10.869.041
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.810.367.348)	(30.321.251.027)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		36.431.901.041	59.940.804
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	29.224.124.712
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.242.530.704)	(37.886.041.822)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		79.177.593	628.591.815
14	- Tiền lãi vay đã trả		(165.017.773)	(211.198.893)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.130.000)	(739.560.912)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.205.032.809	(39.245.395.323)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		45.454.545	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.200.000.000)	(19.300.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.297.169.878
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.968.835.172	23.429.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.185.710.283)	30.020.599.161
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	18.900.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.003.482.000)	(6.832.776.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.003.482.000)	12.067.224.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.015.840.526	2.842.427.838
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.972.674.240	130.246.402
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.988.514.766</u>	<u>2.972.674.240</u>

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty năm 2020
và phương án chi trả thù lao năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 7

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 thông qua Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2020 và phương án chi trả thù lao năm 2021. Cụ thể như sau:

I - Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty và tiền lương người quản lý Công ty năm 2020

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2020 (Đồng)	Thực hiện năm 2020 (Đồng)
1	Hội đồng quản trị	84.000.000	0
2	Ban kiểm soát	60.000.000	0
3	Thư ký Công ty	18.000.000	0
4	Tổng giám đốc	300.000.000	243.838.436

Do lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ (-1,478 tỷ đồng) và hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả nên năm 2020 không chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký.

II - Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 như sau:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty hoàn thành $\geq 100\%$ kế hoạch năm: thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát và thư ký HĐQT tối đa như sau:

TT	Chức danh	Thù lao/tháng/người (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	3.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
4	Thành viên BKS	1.500.000
5	Thư ký HĐQT	1.500.000

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (một số chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $< 100\%$ kế hoạch năm: thù lao

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị chi trả tương ứng với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách nếu đã hưởng lương tại đơn vị thì không được hưởng thù lao.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 7
H. MƯỜNG
NGUYỄN HỮU DOANH



Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Báo cáo của Ban kiểm soát
Về Kết quả Hoạt động và thẩm định năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 7;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 kết quả giám sát công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2020 như sau:

I. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát năm 2020

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2020 hoạt động của Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập; Tham gia góp ý hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành công ty. Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra các Báo cáo tài chính tương ứng với các kỳ kết thúc. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm đã thực hiện kiểm soát theo Điều lệ công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp.

Trong năm qua Ban kiểm soát chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ công ty) có liên quan đến hoạt động quản lý điều hành và SXKD của công ty.

2. Kết quả giám sát hoạt động của bộ máy điều hành và SXKD

2.1. Công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty

Trong năm 2020, công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao

theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Các phiên họp của HĐQT đều thực hiện đúng quy trình của pháp luật và Điều lệ công ty. Các cuộc họp HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định.

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành theo chức năng và quyền hạn, đều thể hiện đúng theo định hướng chiến lược phát triển, nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ công ty.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT được Ban tổng giám đốc công ty tổ chức triển khai cụ thể đối với từng phòng ban trong Công ty, từng đơn vị, đồng thời tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ, do vậy mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời.

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: *(số liệu một số chỉ tiêu chính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán)*

Trong năm 2020 với chủ trương tập trung công tác thu hồi công nợ để lấy nguồn tài chính tái phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong năm 2020 Công tác thu hồi vốn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Tổng công nợ thu hồi được trong năm 2020 là 24,7 tỷ đồng.

Năm 2020 Công ty chưa tìm được việc làm mới nên doanh thu giảm mạnh chỉ còn 2,5 tỷ đồng tiền cho thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà HH4 đường Phạm Hùng quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

2.3. Thực hiện các nội dung khác của Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020

- Công ty thực hiện Phương án không chi trả thù lao và quyết toán việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 (thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

- Công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty (thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau

- Năm 2020, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành. Việc tổ chức công tác

tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, việc lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của công ty. Lập báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty trong năm.

- Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh được thực trạng tình hình tài chính của công ty trong năm 2020.

- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Ban Tổng giám đốc và Phòng Tài chính kế toán lập. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của công ty.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán):

ĐVT: đồng

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	Ngàn Đồng	158.296.775	184.281.820
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Ngàn Đồng	9.988.515	2.972.674
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Ngàn Đồng	8.200.000	16.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	Ngàn Đồng	137.094.904	165.100.728
4	Hàng tồn kho	Ngàn Đồng	4.480	4.480
5	Tài sản ngắn hạn khác	Ngàn Đồng	3.008.876	203.938
II	Tài sản dài hạn	Ngàn Đồng	46.191.151	47.018.666
1	Tài sản cố định	Ngàn Đồng	224.695	224.695
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Ngàn Đồng	27.452.644	27.452.644
3	Tài sản dài hạn khác	Ngàn Đồng	18.513.812	19.341.327

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tổng cộng tài sản	Ngìn Đồng	204.487.926	231.300.486
I	Nợ phải trả	Ngìn Đồng	82.600.832	107.934.975
1	Nợ ngắn hạn	Ngìn Đồng	79.410.851	104.744.994
2	Nợ dài hạn	Ngìn Đồng	3.189.981	3.189.981
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	Ngìn Đồng	121.887.094	123.365.511
1	Vốn chủ sở hữu	Ngìn Đồng	121.887.094	123.365.511
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Ngìn Đồng	106.000.000	106.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	Ngìn Đồng	13.064.931	13.064.931
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngìn Đồng	2.822.163	4.300.580
	Tổng cộng nguồn vốn	Ngìn Đồng	204.487.926	231.300.486

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Ng.đồng	2.587.470	63.511.357
2	Doanh thu thuần về BH & CC dịch vụ	Ng.đồng	2.587.470	63.511.357
3	Giá vốn hàng bán	Ng.đồng	1.177.413	47.055.212
4	Lợi nhuận gộp về BH & CC dịch vụ	Ng.đồng	1.410.057	16.456.145
5	Chi phí tài chính	Ng.đồng	165.018	12.050.197
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Ng.đồng	4.916.799	7.640.233
7	Lợi nhuận khác	Ng.đồng	1.234.480	760.992
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Ng.đồng	(1.478.417)	1.668.923

+ các chỉ tài chính cơ bản

1	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>1,1</i>	<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	77%	80%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	23%	20%
<i>1,2</i>	<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>		
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	40%	47%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	60%	53%
2	Khả năng thanh toán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
2,1	Khả năng thanh toán tổng quát	2,48	2,14
2,2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,99	1,71
2,3	Khả năng thanh toán nhanh	1,88	1,76

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát có một số nhận xét đánh giá như sau:

- Tổng tài sản của công ty (trương ứng với tổng nguồn vốn) tại ngày 31/12/2020 là 204,48 tỷ đồng, giảm 26,82 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2019 cụ thể như sau: Tiền tương đương tiền tăng 7 tỷ, Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 7,8 tỷ, công nợ phải thu ngắn hạn thời điểm cuối năm giảm 20 tỷ đồng, Phải thu về cho vay ngắn hạn tăng 12 tỷ, Phải thu khác giảm 20 tỷ.

- Vốn chủ sở hữu của công ty tại ngày 31/12/2020 là 121,87 tỷ đồng, giảm 1,48 tỷ đồng so với cuối năm 2019 là do trong năm 2020 Công ty bị lỗ 1,48 tỷ đồng.

- Khả năng thanh toán nợ, nợ ngắn hạn, thanh toán nhanh tại thời điểm cuối năm đều tăng so với đầu năm điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty đang thay đổi theo chiều hướng tích cực.

- Tổng nợ phải trả cuối năm giảm 25,3 tỷ đồng (100% giảm nợ ngắn hạn) trong đó phải trả người bán ngắn hạn giảm 5,8 tỷ đồng, chi phí phải trả ngắn hạn giảm 2,5 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính giảm 16 tỷ đồng.

II. Nhận xét và kiến nghị

Năm 2020 Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ –SD7 – ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020 về tập trung thu hồi vốn tại các công trình mà Công ty tham gia thi công như Công trình Thủy điện Lai Châu, thủy điện Bản Chát, Nậm Thi và tìm kiếm việc làm mới. Trong năm Công ty đã thu hồi được 24,7 tỷ đồng. Tuy nhiên vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra. Công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2020 là 137 tỷ đồng trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng là 115 tỷ đồng là lớn nhất và tồn tại nhiều năm. Việc bị chiếm dụng vốn với số lượng lớn và trong thời gian dài làm ảnh hưởng rất lớn tới nguồn vốn của Công ty và tiềm ẩn rủi ro về tài chính cao.

Trong năm 2020 Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới.

Nhằm bảo đảm bảo quyền lợi của Công ty và phục vụ mục tiêu phục hồi sản xuất trong những năm tiếp theo Ban kiểm soát xin đưa ra một số giải pháp như sau:

- Thứ nhất: Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các bộ phận liên quan tập trung cao độ việc thu hồi dứt điểm công nợ trong năm 2021 đảm bảo quyền lợi của Công ty và giảm rủi ro tài chính. Có kế hoạch và phương pháp cụ thể

- Thứ hai: Thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp nhằm tránh làm mất uy tín của Công ty phục vụ cho mục tiêu phục hồi sản xuất.

- Thứ ba: Xem xét thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, các tổ chức tín dụng.

- Thứ tư: Bên cạnh việc tập trung thu hồi vốn đề nghị Ban lãnh đạo tìm kiếm việc làm phù hợp với doanh nghiệp.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2021

- Xem xét phân tích công tác thực hiện kế hoạch, báo cáo tài chính, tình hình SXKD của Công ty và làm việc với HĐQT, Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý.

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

- Tham gia góp ý kiến.sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, các quy định quy chế quản lý nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính cho mỗi kỳ kế toán năm của công ty sau khi đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được ĐHĐCĐ thường niên nhất trí lựa chọn.

- Thu nhận các thông tin, trao đổi với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.

Ngay sau khi có Nghị quyết ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát sẽ lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nơi nhận:

- Trình ĐH cổ đông
- HĐQT Công ty
- Lưu BKS, VP HĐQT

T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Đặng Việt Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Phê duyệt phương án ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm, cũng như địa điểm để di chuyển trụ sở chính Công ty từ tỉnh Sơn La về tỉnh Hòa Bình hoặc thành phố Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ tình hình thực tế tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để thuận tiện trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mô hình, định hướng phát triển của Công ty trong năm 2021 và những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt phương án ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm, cũng như địa điểm di chuyển trụ sở Công ty từ tỉnh Sơn La về tỉnh Hòa Bình hoặc thành phố Hà Nội và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty khi có thay đổi địa điểm di chuyển trụ sở.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!



Số: 07/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
V/v: Thuê Tổng giám đốc điều hành Công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ tình hình thực tế tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và định hướng Công ty trong những năm sắp tới.

Đề phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, đồng thời tăng cường công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn nhân sự bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành Công ty, đối với ông **NGUYỄN VĂN BÚT**, nghề nghiệp: Kỹ sư cơ khí, hiện đang giữ chức vụ Phó tổng giám đốc Công ty, bổ nhiệm giữ chức vụ: Tổng giám đốc điều hành Công ty 05 năm, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!



Số: 01/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- Quy chế phân cấp quản lý Tổ chức, quản lý CBCNV và Tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 17/CT-HĐQT ngày 04/7/2016 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 7;
- Nghị quyết số 01/NQ/SD7-DHĐCĐ ngày 29/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7 năm 2021;
- Biên bản số 01/BB-HĐQT, ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị họp phiên thứ nhất, nhiệm kỳ 2021÷2026 về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ nhiệm ông **NGUYỄN VĂN BÚT** – Kỹ sư Cơ khí Phó Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021÷2026

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Ông **Nguyễn Văn Bút** có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 7 và Quy chế Nội bộ về quản trị của Công ty

Lương của Ông Nguyễn Văn Bút được xếp bậc 1/2, hệ số 2,42 (nhóm A2- bậc I, theo Quy định thang bảng lương của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT, ngày 13/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty).

Điều 3: Các ông: Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; Trưởng các phòng chức năng Công ty, các đơn vị trực thuộc và ông **Nguyễn Văn Bút** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đăng ủy Cty (b/c);
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu HS cá nhân.
- Lưu HĐQT, TCNS.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Doanh

Số: 04/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Về việc: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 ngày 26/4/2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021 như sau:

- **Thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung (tóm tắt các nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm) và toàn văn của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (Dự thảo toàn văn Điều lệ đính kèm Tờ trình này).**

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi,
- Lưu TK HĐQT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 34. Người điều hành công ty.....	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	29
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	30
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	30
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	31
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	32
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	36
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 48. Năm tài chính.....	36
Điều 49. Chế độ kế toán.....	36

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 51. Báo cáo thường niên	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 52. Kiểm toán	37
XVII. CON DẤU	38
Điều 53. Con dấu	38
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	38
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	38
Điều 55. Thanh lý	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 57. Điều lệ công ty	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 58. Ngày hiệu lực	40
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h) **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 7

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Sông Đà 7**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Song Da 7 Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **Song Da 7**

2. Biểu tượng Công ty



SÔNG ĐÀ 7

3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 5, Thị trấn Ít ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La
- Điện thoại: 024 666 80228
- Fax: 024 666 80228
- E-mail: tchcSongda7@gmail.com
- Website: <http://www.Songda7.com.vn>

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là từ 50 năm trở lên kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV;
- Xây dựng công trình thông tin, buro điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Ngành tư vấn, giám sát các công trình xây dựng, loại công trình:
 - + Dân dụng, công nghiệp, lắp đặt thiết bị công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
 - + Lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng – Thực hiện, hoàn thiện.
- Ngành tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng, lĩnh vực chuyên môn:
 - + Tư vấn quản lý dự án;
 - + Tư vấn thiết kế, thẩm tra các loại công trình: Dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, thủy điện, giao thông, công trình thủy.

Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 7

- Ngành nghề lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các lĩnh vực: Xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Xây dựng và phát triển Công ty, bảo toàn và phát triển vốn, Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm trong xây lắp trên cơ sở duy trì và phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư quản lý, vận hành, kinh doanh các thủy điện vừa và nhỏ. Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống của người lao động, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **106.000.000.000 VND** (Một trăm linh sáu tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **10.600.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng (mười nghìn đồng)/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền

còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán **quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp**. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ

chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành..

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75%** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **từ 33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ

đồng, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều

144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết **theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp**, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ ba (03) người đến năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công

việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở

giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ

nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc

bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ

với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan

trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có

thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 53. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhất trí thông qua vào ngày ___ tháng ___ năm 2021 tại Hà Nội. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày __ tháng ___ năm 2021.

2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỜ TRÌNH

**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 ngày 26/4/2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021.

- 1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Sông Đà 7 (Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này).**
- 2. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này).**

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: VT; HĐQT.



DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Công ty CP Sông Đà 7.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

a) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ được luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

b) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông quy định:

- Đối với việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.

- Đối với việc triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty;

b) Lập danh danh sách cổ đông có quyền dự họp được quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty, cụ thể: Người triệu tập Đại hội cổ đông chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty, Công ty phải lập và công

bổ thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD theo Quy chế thực hiện quyền do VSD ban hành.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty, cụ thể:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển thư đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2, Điều 12 Điều lệ Công ty (sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên) có các quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, Số Thẻ căn cước công nhân/giấy chứng minh dân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ, trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị

vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

e) Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty.

Để thuận tiện cho cổ đông, Công ty phải gửi mẫu giấy ủy quyền kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Các mẫu giấy ủy quyền khác với mẫu do Công ty gửi vẫn được chấp thuận nếu được lập theo đúng quy định của pháp luật về việc ủy quyền. Giấy ủy quyền phải được xuất trình ngay tại thời điểm đăng ký cổ đông;

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

+ Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty qua số điện thoại ghi trong Thông báo mời họp hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho Cổ đông về Công ty).

+ Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

+ Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

+ Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ theo quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ 2 điều này; Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;

+ Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

+ Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (email). Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp.

+ Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội cổ đông và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.

h) Điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty;

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc phương thức khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật;

k) Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

- Nguyên tắc chung:

+ Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

+ Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, cụ thể:

*. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba (03) lần biểu quyết **Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến** của một vấn đề thì được xem là không hợp lệ. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết **Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến** của một vấn đề thì cũng được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông **Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến** và Không hợp lệ.

*. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”; “Không tán thành”; “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “√” vào mô hình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ và tên của đại biểu.

1) Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Nguyên tắc chung: Bỏ phiếu bầu cử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, các hình thức bỏ phiếu được thực hiện như sau:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu:

+ Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

+ Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

+ Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ

(trước khi bỏ vào thùng phiếu);

+ Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Nguyên tắc trúng cử

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu của lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

m) Cách thức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi Ban kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của người giám sát kiểm phiếu (nếu có).

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp kết quả biểu quyết, bỏ phiếu của cổ đông theo các yêu cầu của Điều lệ và pháp luật.

- **Đối với thẻ biểu quyết:** Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết Không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc.

- **Đối với Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử:** Cổ đông hoặc Đại diện ủy quyền bỏ phiếu vào thùng phiếu được Ban Tổ chức chuẩn bị từ trước, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến hoặc số phiếu bầu.

n) Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty;

e) Thông báo Kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề, việc kiểm phiếu phải được lập thành Biên bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông đã biểu quyết không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Quy định cụ thể việc yêu cầu mua lại của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp cổ đông yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại

khoản 1, khoản 2, **khoản 3** Điều 23 Điều lệ công ty;

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông; đồng thời được công bố theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm cả các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp không được phép theo quy định dưới đây.

Các trường hợp sau đây không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức Hội nghị trực tuyến: Thực hiện theo Quy chế họp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến: Thực hiện theo Quy chế họp Hội nghị trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Theo quy định tại khoản 2 Điều

27 Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty.

- Về tiêu chuẩn và điều kiện: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1,2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử, ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên (quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp). Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau cho đến khi chọn được ứng viên cuối cùng hoặc lựa chọn theo tiêu chí bầu cử;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và được bầu bổ sung theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định việc công bố các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Luật hiện hành.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên và phải gửi bản gốc hồ sơ đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị về Công ty nhận được tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Công ty nhận được hồ sơ đề cử muộn hơn quy định trên và người triệu tập Đại hội đồng cổ đông nhận thấy không thể đảm bảo tốt được việc cung cấp thông tin cho các cổ đông khác về việc bầu cử thì người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối việc đề cử nêu trên.

Hồ sơ đề cử bao gồm:

Đơn đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: thông tin liên lạc (tên, địa chỉ, số điện thoại) của cổ đông, đại diện nhóm cổ đông; số lượng cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; chữ ký của cổ đông, người đại diện nhóm cổ đông;

Trường hợp là nhóm cổ đông, phải có danh sách nhóm cổ đông bao gồm các nội dung sau: họ tên của từng cổ đông; người làm đại diện cho nhóm cổ đông; số lượng cổ phần sở hữu của từng cổ đông; thông tin liên lạc (địa chỉ, số điện thoại); ngày lập danh sách cổ đông; chữ ký của từng cổ đông; Biên bản họp nhóm.

Bản cam kết của ứng viên thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại điểm e khoản này;

- Hội đồng quản trị Tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định điểm b, khoản 2, điều 3 quy chế này.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

+ Số lượng ứng viên: Là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên họp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại ý 2 điểm g khoản 4 Điều này.

+ Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thông qua và đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm;

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị bị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

6. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty

a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp bất thường nếu thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp quy định tại khoản b điều này;

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

c) Trình tự, thủ tục và điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

d) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Quyền dự họp HĐQT của Thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

e) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền);

- Trường hợp không đủ số lượng thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

+ Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

+ Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

i) Cách thức biểu quyết

Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo từng nội dung trong chương trình họp với các ý kiến: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi bản gốc phiếu biểu quyết đến Công ty trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp trong trường hợp tham dự và biểu quyết bằng: hội nghị trực tuyến; bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết đối với dự thảo nghị quyết theo các phương án tán thành, không tán thành;

g) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng các cách thức sau:

- Biểu quyết tại cuộc họp;

- Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đối với các vấn đề không cần thảo luận. Trường hợp này, kèm theo văn bản lấy ý kiến phải có các tài liệu liên quan và dự thảo nghị quyết về vấn đề cần lấy ý kiến. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực như tại cuộc họp;

- Trong trường hợp không thể kịp thời tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể trao đổi và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện khác để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm kịp thời thực hiện và bảo vệ các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Công ty. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức hoàn thiện các thủ tục tương tự như việc thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực;

l) Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý và bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong vòng 24h làm việc kể từ ngày ban hành.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị còn phải được đăng tải lên Website Công ty và công bố thông tin nếu nội dung thuộc các trường hợp quy định

của pháp luật về công bố thông tin.

7. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị” Thực hiện theo Quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

b) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;

c) Người phụ trách quản trị công ty có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thông báo và gửi đến các cá nhân, bộ phận có liên quan như đối với các nghị quyết, quyết định khác của Hội đồng quản trị.

Theo quy định của Luật Chứng khoán, Người phụ trách quản trị công ty là người nội bộ của doanh nghiệp. Do đó việc bổ nhiệm, miễn nhiệm phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin;

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty. Người phụ trách quản trị công ty còn được quyền cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến việc quản trị công ty.

Điều 4. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có vai trò là bộ phận giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.

Quyền và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát;

- Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 17, Điều 169 của Luật doanh nghiệp;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Số lượng ứng viên được đề cử như quy định đối với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được đề cử quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 của Quy chế này.

d) Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và với cách thức tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc thông báo miễn nhiệm, bãi nhiệm được tuân thủ theo việc công bố các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Tổng giám đốc có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

- Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc phải là người đáp ứng các điều kiện và yêu cầu theo quy định của pháp luật đồng thời phải am hiểu lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của Công ty.

Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và phải phù hợp với quy định của pháp luật về lao động. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng Giám đốc;

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị Tổng giám đốc có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị;

- Việc miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và phải phù hợp với quy định của pháp luật về lao động.

- Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 ngày. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

- Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra các trường hợp: Chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, tự ý bỏ nhiệm sở, vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

b) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc phải được đăng tải lên Website Công ty trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện và công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

c) Tổng giám đốc được hưởng lương, thưởng và các lợi ích khác theo hợp đồng đã ký, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tiền lương của tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm cả Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

a) Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Việc mời họp được thực hiện với phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được gửi đến các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp;

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này;

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này;

d) Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết hoặc lấy ý kiến Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

đ) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và các vấn đề được yêu cầu.

e) Hội đồng quản trị có quyền kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc. Việc thực hiện kiểm điểm có thể đột xuất hoặc tại cuộc họp thường kỳ hằng quý.

g) Tổng giám đốc phải báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hằng quý, 6 tháng, năm cho Hội đồng quản trị; cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

h) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty;

- Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định của Công ty;

- Tôn trọng tư cách độc lập của Ban kiểm soát;

- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

i) Đánh giá hàng năm, Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

- Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Việc đánh giá hoạt động của các Thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

- Khen thưởng:

+ Đối tượng: Các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

+ Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

+ Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hằng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Kỷ luật:

+ Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

+ Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Sông Đà 7 bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2021 thay thế.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Sông Đà 7;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7 bao gồm các nội dung sau:

MỤC LỤC

Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
Chương II	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Chương III.....	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	13
Chương V.....	13
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	13
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	14

Chương VI	14
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành	15
Điều 23. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định như sau:	16
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	17
Điều 25. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên	17
Điều 26. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí	17
Chương VII	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 27. Hiệu lực thi hành	18

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty

- với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tổng số công ty mà thành viên này làm thành viên Hội đồng quản trị không được quá 5 công ty;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên

Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s. Hội đồng quản trị được ủy quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Trường hợp vượt quá quy định này, Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;
- t. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua các Nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị Hội đồng quản trị xem xét quyết nghị.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị trong Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng và/ hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.
4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.
5. Các công văn, tài liệu giao dịch do Hội đồng quản trị ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số Hội đồng quản trị và được lưu tại Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/ hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/ cá nhân ngoài Công ty.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các nghị quyết, quyết định và yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của SXKD, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Tổng Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng mười lăm (15) ngày.

3. Đối với việc ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm Hội đồng quản trị hoặc phải trình Hội đồng quản trị quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự với tư cách Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết.

4. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng Giám đốc thông báo cho Hội đồng quản trị biết để tham dự nếu có điều kiện.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong quan hệ công việc với Hội đồng quản trị

5.1. Tổng Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty hoặc trái với quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay

bằng văn bản cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và Hội đồng quản trị đối với những vấn đề nói trên.

5.2. Các trách nhiệm khác của Tổng Giám đốc được nêu tại khoản 4 điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 25. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

Điều 26. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí

1. Hội đồng quản trị bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.

5. Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu liên quan đến Công ty và không được cho các cá nhân, công ty khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định an toàn bảo mật hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7 bao gồm 7 chương, 27 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngàythángnăm.....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 ngày 26/4/2019,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định tại số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021.

- **Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7** (Dự thảo Quy chế đính kèm Tờ trình này).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Đặng Việt Hùng

(Dự Thảo)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

(Kèm theo Tờ trình số /2021/TTr-BKS ngày 29 tháng 04 năm 2021
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty khác với Quy định tại Luật doanh nghiệp nhưng đảm bảo tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp thì thực hiện theo Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nhằm thu lợi bất chính. Kiểm soát viên có trách nhiệm phải hoàn trả lại khoản lợi ích bất chính có được cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và tiêu chuẩn khác nếu có tại Điều lệ Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;
- h. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; Việc đề cử ứng cử viên Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty.
 - b. Căn cứ số lượng Thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các Thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Thành viên Ban kiểm soát

Các Thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7 bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ ĐỀ BẦU CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ Thông báo số 03TB/CT-HĐQT ngày 06 tháng 04 năm 2021 về việc ứng cử, đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Hội đồng quản trị báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông phương án nhân sự đề bầu cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026, cụ thể như sau:

1. Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

*** Cơ cấu Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 03 thành viên;
- Cơ cấu: Gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm.

*** Việc ứng cử, đề cử:**

- *Ứng cử:* Tính đến trước thời điểm trước 17h ngày 19 tháng 04 năm 2021 có một (01) cổ đông ứng cử.

- Ông **Nguyễn Hữu Doanh** – năm sinh: 1968; nghề nghiệp: Thạc Sĩ quản trị Kinh doanh, chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 sở hữu 2.602.100 cổ phần, tương ứng 24,55% vốn

điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7, ứng cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bầu làm Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

* *Đề cử*: Tính đến trước thời điểm trước 17h ngày 19 tháng 04 năm 2021 có một (01) cổ đông đề cử.

- Cổ đông đề cử **Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7**. CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số: 5800519428, Ngày cấp: 25/01/2019 Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật (nếu có): NGUYỄN HỮU DOANH. Hiện đang sở hữu: 2.500.000 cổ phần. Tương ứng: 23,58% vốn điều lệ:

+ Đề cử ông **Quát Văn Quang** – Năm sinh: 1976, Nghề nghiệp: Kỹ sư điện, chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Trưởng phòng vật tư thiết bị Công ty, để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Đề cử ông **Trần Văn Tài** – Năm sinh: 1979, Nghề nghiệp: Kỹ sư điện, chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04, để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

Nhân sự danh sách để bầu cử vào Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

- Ông **Nguyễn Hữu Doanh** – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 (có sơ yếu lý lịch kèm theo);

- Ông **Trần Văn Tài** – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04 (có sơ yếu lý lịch kèm theo);

- Ông **Quát Văn Quang** – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Trưởng phòng vật tư thiết bị Công ty CP Sông Đà 7 (có sơ yếu lý lịch kèm theo);

2. Bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

* *Cơ cấu Ban kiểm soát:*

- Số lượng: 03 thành viên;

- Cơ cấu: 01 Trưởng ban và 02 thành viên;

- Nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm.

*** Việc ứng cử, đề cử:**

- **Ứng cử:** Tính đến trước thời điểm trước 17h ngày 19 tháng 04 năm 2021 không có cổ đông nào ứng cử;

- **Đề cử:** Tính đến trước thời điểm trước 17h ngày 19 tháng 04 năm 2021 có hai (02) cổ đông đề cử.

+ Cổ đông đề cử ông **Nguyễn Hữu Doanh** – năm sinh: 1968; nghề nghiệp: Thạc Sĩ quản trị Kinh doanh, chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 sở hữu 2.602.100 cổ phần, tương ứng 24,55% vốn điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7 đề cử và giới thiệu:

Đề cử ông **Bùi Phan Thanh** – Năm sinh: 1981, Nghề nghiệp: Cử nhân quản trị kinh doanh, đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

Đề cử ông **Nguyễn Anh Lam** – Năm sinh: 1981, Nghề nghiệp: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Nhóm cổ đông đề cử:

TT	Tên cổ đông	CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu	Tỷ lệ % vốn Điều lệ
1	Nguyễn Trọng Khoa	112297465	V2, 2409 chung cư Văn Phú Victorya, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	800.000	7,55%
2	Phạm Đức Thuận	113016692	Số 6, Tổ 3, P. Chăm Mát, TP. Hòa Bình, Hòa Bình	471.100	4,44%
3	Nguyễn Thị Thu	112105037	Công ty cổ phần Sông Đà 704, TT. Ít Ong, Mường La, Sơn La	110.400	1,04%
4	Nguyễn Thị Thu Hà	113251188	Hòa Bình	16.500	0,16%
Tổng cộng				1.398.000	13,19%

Đề cử và giới thiệu:

Đề cử ông **Nguyễn Thế Hoàng** – Năm sinh: 1990, Nghề nghiệp: Cử nhân tài chính, để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

** Nhân sự danh sách để bầu cử vào Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:*

- Ông **Nguyễn Thế Hoàng** (có sơ yếu lý lịch kèm theo);
- Ông **Bùi Phan Thanh** (có sơ yếu lý lịch kèm theo);
- Ông **Nguyễn Anh Lam** (có sơ yếu lý lịch kèm theo);

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7

Tên tôi là: **Nguyễn Hữu Doanh**

CMND/Hộ chiếu số: 001 068 013 252 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và dữ liệu Quốc gia về dân cư cấp ngày 04/3/2018.

Địa chỉ thường trú: Villa I -7 khu nhà ở và TTTM, Phường Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ học vấn: Kỹ sư XD, Thạc Sĩ Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 2.602.100 cổ phần

Tương ứng: 24,55 % vốn điều lệ.

Đề nghị cho tôi được tự ứng cử vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021 ÷ 2026.

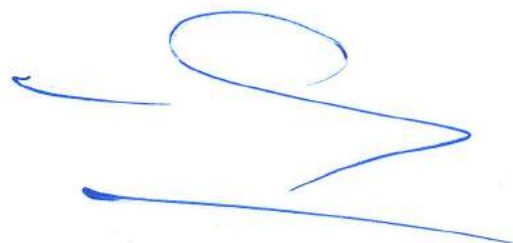
Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Cam kết của ứng viên.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2021

Người ứng cử
(ký và ghi rõ họ tên)





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh : **NGUYỄN HỮU DOANH**
- Họ và tên thường dùng : **NGUYỄN HỮU DOANH**
- Bí danh : Không
- Ngày tháng năm sinh : 03/9/1968
- Nguyên quán : xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội
- Quốc tịch gốc : Việt Nam Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Villa I-7 khu nhà ở và TTTM, P. Hà Cầu, Quận Hà Đông
Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Villa I-7 khu nhà ở và TTTM, P. Hà Cầu, Q. Hà Đông,
Hà Nội
- Địa chỉ cư trú hiện nay: Villa I-7 khu nhà ở và TTTM, P. Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): 001068013252 do Cục
cảnh sát ĐKQL cư trú và Dữ liệu Quốc gia về dân cư cấp ngày 04/3/2018
- *(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân
phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)*

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
6/1987÷ 12/1996	Công nhân kỹ thuật – Công ty XD Công trình ngầm, Tổng công ty XD thủy điện Sông Đà	
01/1997÷5/2002	Sinh viên trường đại học XD Hà Nội	
6/2002 ÷ 01/2004	Đội trưởng đội xây lắp số I- Công ty XD Sông Đà 7	
02/2004÷12/2007	Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 704- Công ty Sông Đà 7	
01/2008 ÷ 5/2012	Bí thư ĐBBP Công ty CP Sông Đà 7.04, Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04	
	Phó Bí thư ĐB; Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04	
6/2012÷ 6/2015	Phó Bí thư Đảng bộ Công ty CP Sông Đà 7 – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04	
7/2015 ÷ 4/2016	Phó Bí thư Đảng bộ; Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04	
05/2016 ÷ nay	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04, Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 702.	

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo):
Kỹ sư xây dựng (khóa học 1998-2002), Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (2010-2013)
- Khen thưởng: Huân chương Hạng 2 năm 2016
- Kỷ luật: Không
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác: Bí thư Đảng ủy Công ty
- Chức vụ đang giữ (nếu có):

3. Môi Quan hệ gia đình (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: *Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột*):

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở.
Bố đẻ	Nguyễn Hữu Giám	1922	Đã chết
Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Hiếu	1927	Đã chết
Vợ	Đặng Thị Hồng Hạnh	1974	Cử nhân kinh tế - Kế toán Công ty CP phát triển nhân lực và thương mại Việt Nam
Con	Nguyễn Mai Hương	1998	Cử nhân Tài chính kế toán
Con	Nguyễn Bảo Anh	2009	Học sinh THCS NewTon cơ sở Hà Đông
Con	Nguyễn Tuấn Dũng	2016	Còn nhỏ
Chị gái	Nguyễn Thị Hòa	1954	Làm ruộng tại Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
Anh Trai	Nguyễn Hữu Cường	1963	Làm ruộng tại Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
Chị gái	Nguyễn Thị Tuyết	1965	Làm ruộng tại Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
Em Gái	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1974	CN TCKT- nhân viên Phòng TCKT Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hà Nội
Em trai	Nguyễn Hữu Nhuận	1973	Kỹ sư điện – Phó Giám đốc công ty TNHH 2 thành viên SAFICO , Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.02

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

Chu Thị Chiến

Nguyễn Hữu Doanh

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN HĐQT/BKS NHIỆM KỲ 2021-2026

STT	Tên cổ đông	Giới tính	Quan hệ với cổ đông nội bộ	CMT/HC/ĐKKD				Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
1	NGUYỄN HỮU DOANH	Chủ tịch, HĐQT						2.602.100	24,55%
-	Đặng Thị Hồng Hạnh	1-Nữ	6-Vợ	1-CMT	017309404	11/8/2011	CA. Hà Nội		
-	Nguyễn Mai Hương	1-Nữ	7-Con	1-CMT	017198000011	2/5/2015	CA. Hà Nội		
-	Nguyễn Bảo Anh	1-Nữ	7-Con						Dưới 15 tuổi
-	Nguyễn Tuấn Dũng	0-Nam	7-Con						Dưới 15 tuổi
-	Nguyễn Hữu Cường	0-Nam	9-Anh ruột	1-CMT	110140343	7/3/2009	CA. Hà Nội		
-	Nguyễn Thị Thanh	1-Nữ	9.1-Vợ Ông Cường	1-CMT	110932595	28/8/2012	CA. Hà Nội		
-	Nguyễn Thị Hòa	1-Nữ	10-Chị ruột	1-CMT	110084746	8/4/1978	CA. Hà Sơn Bình		
-	Nguyễn Trọng Di	0-Nam	Chồng B. Hòa	1-CMT	001049001307	27/8/2018	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		
-	Nguyễn Thị Tuyết	1-Nữ	10-Chị ruột	1-CMT	110932588	5/11/1983	CA. Hà Sơn Bình		
-	Nguyễn Trọng Huy	0-Nam	Chồng B. Tuyết	1-CMT	112223221	09/4/2005	CA. Hà Tây		
-	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1-Nữ	11-Em ruột	1-CMT	123366246	5/14/2006	CA. Hà Tây		
-	Nguyễn Văn Quân	0-Nam	Chồng B. Lan	1-CMT	001070009979	12/10/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		
-	Nguyễn Hữu Nhuận	0-Nam	11-Em ruột	1-CMT	111191736	8/9/2008	CA. Hà Nội		
-	Khương Thị Việt Hoa	1-Nữ	Vợ Ông. Nhuận	1-CMT	11177000012	6/4/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		
-	Đặng Xuân Thu	0-Nam	Bố vợ	1-CMT	113164915	12/4/2001	CA. Hòa Bình		

STT	Tên cổ đông	Giới tính	Quan hệ với cổ đông nội bộ	CMT/HC/DKKD			Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp		
	Nguyễn Thị Sao	1-Nữ	Mẹ vợ	1-CMT	113236965	04/6/2003	CA. Hòa Bình	
	Đặng Việt Hùng	0-Nam	Anh trai vợ	1-CMT	113148914	17/7/2007	CA. Hòa Bình	
	Chu Thị Quỳnh Hoa	1-Nữ	6-Vợ Ô. Hùng	1-CMT	113415711	8/23/2007	CA. Hòa Bình	
	Đặng Minh Hiếu	1-Nữ	11-Em gái vợ	1-CMT	113000831	6/22/2015	CA. Hòa Bình	
	Lương Hồng Chuyên	0-Nam	Chồng Bà Hiếu	1-CMT	113346497	30/8/2013	CA. Hòa Bình	
	Đặng Việt Hưng	0-Nam	11-Em trai vợ	1-CMT	113080133	9/11/2014	CA. Hòa Bình	
	Phạm Thị Hồng Nga	1-Nữ	Vợ Ô. Hưng	1-CMT	113796416	25/12/2018	CA. Hòa Bình	

BẢN SAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Số: 001068013252



Họ và tên: **NGUYỄN HỮU DOANH**

Ngày, tháng, năm sinh: 03/09/1968

Giới tính: **Nam** Quốc tịch: **Việt Nam**

Quê quán: **Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội**

Nơi thường trú: **Villa 1-07 KNO' và TT thương mại
Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội**

Có giá trị đến: 03/09/2028



Đặc điểm nhân dạng: Nốt ruồi cách 2cm dưới sau
đôi mắt trái

NGƯỜI TRÁI

NGƯỜI TRÁI

Ngày 14 tháng 03 năm 2018
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
ĐKQL CƯ TRÚ VÀ ĐLGG VỀ DÂN CƯ



Trần Quốc Sáng

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 29-07-2020
Số: 29034/2020/Điền.....-SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7
NHIỆM KỶ IV (2021 ÷ 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7

Họ tên cổ đông: Công ty Cổ phần thủy điện Cao nguyên- Sông Đà 7

CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số: 5800519428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 02/02/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 25/01/2019

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): Nguyễn Hữu Doanh

Hiện đang sở hữu: 2.500.000 cổ phần (Hai triệu, năm trăm ngàn cổ phần) Tương ứng: 23,58% vốn điều lệ.

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT/BKS tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, tôi (chúng tôi) có đủ điều kiện đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/BKS Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho tôi (chúng tôi) được đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT/BKS Công ty Cổ phần Sông Đà 7 như sau:

TT	Họ và tên	Số CMTND	Nơi thường trú	Trình độ học vấn	CP sở hữu
1	Ô. QUÁT VĂN QUANG	121332738 cấp ngày 20/10/2012 Bắc giang	Dự án Tổng cục 5, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	Kỹ sư điện	
2	Ô. TRẦN VĂN TÀI	141884542 cấp ngày 09/7/2011 Hải Dương	Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương	Kỹ sư điện	

Hồ sơ đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch
- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Cam kết của ứng viên.

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hữu Doanh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh : **QUÁT VĂN QUANG**
- Họ và tên thường dùng : **QUÁT VĂN QUANG**
- Bí danh : Không
- Ngày tháng năm sinh : 04/08/1976
- Nguyên quán : xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Quốc tịch gốc : Việt Nam
- Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Địa chỉ cư trú hiện nay: Dự án tổng cục 5 Bộ Công an , Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): 121332738 Cấp ngày 20/10/2012 do CA tỉnh Bắc Giang

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
1998-2003	Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	
8/2003-:- 3/2004	Kỹ thuật – Công ty lắp máy Lilama	
4/2004-:-11/2004	Nhân viên- Phòng cơ giới Vật tư Công ty CP Sông Đà 5	
12/2004-:-01/2013	Trưởng ban – Vật tư cơ giới xí nghiệp Sông Đà 503- Công ty CP Sông Đà 5	
01/2013-:- 04/2016	Trưởng phòng Vật tư Thiết bị Công ty CP Sông Đà 7	
04/2016-:- nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7; Trưởng phòng Vật tư Thiết bị Công ty CP Sông Đà 7; Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 7.04.	

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo):
Kỹ sư điện (khóa 1998-2003)
- Khen thưởng: Bằng khen của bộ Công thương năm 2016

- Kỹ luật: Không
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác: Không
- Chức vụ đang giữ (nếu có): Trưởng phòng Phòng Vật tư Thiết bị- Công ty CP Sông Đà 7

3. Mọi Quan hệ gia đình (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chi em ruột):

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở.
Bố đẻ	Quất Văn Đài	1946	Đã chết 2020
Mẹ đẻ	Lê Thị Bằng	1952	Làm ruộng tại quê
Vợ	Chu Thị Chiến	1973	UVBCH Công đoàn TCT Sông Đà-CTCP; Chủ tịch Công đoàn, Thường trực Đảng ủy- Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty CP Sông Đà 7
Con Trai	Quất Hải Đăng	2010	Còn nhỏ
Con Gái	Quất Khánh An	2013	Con nhỏ
Anh Trai	Quất Văn Điện	1973	Kinh doanh tại quê
Em Gái	Quất Thị Quyển	1979	Làm ruộng tại quê
Em Gái	Quất Thị Quyển	1983	Kỹ sư Tin học, Công ty Dento

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



TL, TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

Chu Thị Chiến

Quất Văn Quang

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI ỨNG CỬ/ĐỀ CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN HĐQT/BKS NHIỆM KỲ 2021-2026

STT	Tên cổ đông	Giới tính	Quan hệ với cổ đông nội bộ	CMT/HC/ĐKKD				Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
QUẤT VĂN QUANG									
Thành viên HĐQT									
-	Lê Thị Bằng	1-Nữ	3-Mẹ	1-CMT	120248347	9/25/1978	CA. Bắc Giang		
-	Chu Thị Chiến	1-Nữ	6-Vợ	1-CMT	113062957	11/21/2014	CA. Hòa Bình	43	
-	Quất Hải Đăng	0-Nam	7-Con						Dưới 15 tuổi
-	Quất Khánh An	1-Nữ	7-Con						Dưới 15 tuổi
-	Quất Văn Điện	0-Nam	9-Anh ruột	1-CMT	121466597	12/13/2000	CA. Bắc Giang		
-	Bùi Thị Nhân	1-Nữ	Vợ Ô. Điện	1-CMT	121442494	20/6/2013	CA. Bắc Giang		
-	Quất Thị Quyên	1-Nữ	11-Em ruột	1-CMT	121797559	5/30/2005	CA. Bắc Giang		
-	Dương Văn Tuyên	0-Nam	Chồng B. Quyên	1-CMT	121427668	25/1/2013	CA. Bắc Giang		
-	Quất Thị Quyên	1-Nữ	11-Em ruột	1-CMT	17474717	7/4/2013	CA. Hà Nội		
-	Hồ Văn Quyết	0-Nam	Chồng B. Quyên	2-CCCD	001083020919	02/12/2016	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		
-	Đinh Thị Tinh	1-Nữ	Mẹ vợ	1-CMT	145662341	27/12/2010	CA. Hưng Yên		
-	Chu Cao Cường	0-Nam	Em trai vợ	1-CMT	033078002787	19/10/2017	CA. Hưng Yên		
-	Nguyễn Thị Thúy	1-Nữ	Vợ Ô. Cường	1-CMT	033181003344	12/7/2018	CA. Hưng Yên		
-	Chu Thị Hà Tuyên	1-Nữ	Em gái vợ	1-CMT	145064406	24/4/2013	CA. Hưng Yên		
-	Lê Văn Phước	0-Nam	Chồng B. Tuyên	1-CMT	013250361	23/12/2006	CA. Hà Nội		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ **121332738**

Họ tên: **QUẤT VĂN QUANG**

Sinh ngày: **04-08-1976**

Nguyên quán: **Xã Thanh Lâm**
Huyện Lục Nam, Bắc Giang

Nơi ĐKKH thường trú: **Xã Thanh Lâm**
Huyện Lục Nam, Bắc Giang




Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

Sẹo chằm c, 1cm trên sau mép
phải

Ngày **20** tháng **10** năm **2012**

GIAM ĐỐC CẤP T. BẮC GIANG



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI



Phạm Văn Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
..... *Đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp*
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

Loại hình đào tạo..... CHỈNH QUY
ngành..... *Điện tử, Viễn thông, Công nghệ điện*
hàng..... *TB. Khoa*..... năm tốt nghiệp..... *2003*
và công nhận danh hiệu

Trần Văn Tuấn

cho..... *Trần Văn Tuấn*
sinh ngày..... *4/8/1976* tại..... *Bắc Giang*

..... *Trần Văn Tuấn* ngày..... *20* tháng..... *9* năm..... *2003*
Hiệu trưởng
Khoa trưởng



Số hiệu bằng

B..... **0529820**

Chữ ký của người được cấp bằng

Số vào sổ

2390





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh: TRẦN VĂN TÀI
- Họ và tên thường dùng: TRẦN VĂN TÀI
- Bí danh: Không
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1979
- Nguyên quán: Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch gốc: Việt Nam
- Quốc tịch hiện nay: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): 141884542
- Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài):
Cấp ngày: 09/7/2011 Nơi cấp: Hải Dương

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
1998-2003	Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	
3/2004- 12/2007	Làm việc tại Công ty cổ phần Sông Đà 7	
01/2008- 9/2012	Làm việc tại Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	
10/2012- 10/2013	Giám đốc Chi nhánh Sông Đà 701	
11/2013- 10/2015	Làm việc tại Công ty cổ phần Sông Đà 7	
11/2015-nay	Làm việc tại Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo): Kỹ sư điện

- Khen thưởng: Không
 - Kỷ luật: Không
 - Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác:
 - Chức vụ đang giữ (nếu có): Tổng giám đốc Công ty
- 3. Mọi Quan hệ gia đình** (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: *Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột*):

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...
Bố	Trần Văn Ảnh	1951	Quê quán: Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương, là Đảng viên Đảng CSVN, thương binh hiện tại đang sinh sống và làm việc tại quê.
Mẹ	Đặng Thị Lý	1954	Quê quán: Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện Hải Dương, Là xã viên HTX nông nghiệp thôn Phạm Tân, hiện tại đang sinh sống tại quê.
Vợ	Nguyễn Thị Huyền	1984	Quê quán: Thôn Nội, Tam Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội Nghề Nghiệp: Nhân viên Công ty cổ phần Sông Đà 704
Con	Trần Hà Thái Dương	2008	Quê quán: Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện Hải Dương, hiện tại là học sinh Trường tiểu học Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội.
Con	Trần Minh Trí	2011	Còn nhỏ, sống cùng bố mẹ
Con	Trần Gia Phát	2017	Còn nhỏ, sống cùng bố mẹ
Em	Trần Thị Hiền	1982	Quê quán: Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện Hải Dương, Là xã viên HTX nông nghiệp thôn Phạm Tân, hiện tại đang sinh sống tại quê.
Em	Trần Thị Hợi	1985	Quê quán: Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện Hải Dương, Là xã viên HTX nông nghiệp thôn Văn Xá, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương, hiện tại đang sinh sống tại quê.

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Hà Nội, Ngày..... tháng.....năm 2021

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Văn Tài 2/2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ 171884542

Họ tên: TRẦN VĂN TÀI

Sinh ngày: 09-03-1979

Nguyên quán: Ngô Quyền
Thanh Miên, Hải Dương

Nơi ĐKKH thường trú: Ngô Quyền
Thanh Miên, Hải Dương

Dân tộc:.....Kinh..... Tôn giáo:.....Không.....

DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

Nốt ruồi c. 3 cm dưới trước
mép trái

Ngày.....09...tháng...07...năm...2011...

GIÁM ĐỐC CA.....Hải Dương.....

NGƯỜI TRỎ TRÁI

NGƯỜI TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo.....CHÍNH QUY.....

ngành *Điện tử - Viễn thông*.....

hạng *T.B. Khoa*..... năm tốt nghiệp *2003*.....

và công nhận danh hiệu

Kỹ sư

cho *Trần Văn Tài*

sinh ngày *10.3.1979* tại *Hải Dương*

Trần Văn Tài ngày *20* tháng *9* năm *2003*



Số hiệu bằng

B *553004*

Số vào sổ

25.1.3

Chữ ký của người được cấp bằng

[Handwritten signature]

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VINH XUÂN
CHỨNG THỰC SẢN SẠO ĐÚNG VỚI SẢN CHỈNH
Ngày: **13-04-2021** Hiệu trưởng
Khoa trưởng
Số chứng thực: *05396* Quyền số: *04/SGT/BS*





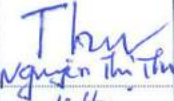
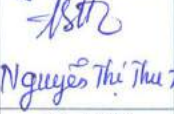
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Mai Oanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỢP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7
NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hôm nay, ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Phòng 1201, Tòa Nhà Sông Đà, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 7, cùng nhau nắm giữ 1.398.000 cổ phần (bằng chữ: Một triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm cổ phần), chiếm tỷ lệ 13,19% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Sông Đà 7, có tên trong Danh sách dưới đây:

ST T	Tên Cổ đông	CMND	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1	Nguyễn Trọng Khoa	112297465	V2, 2409 chung cư văn phú Victorya, Phú La, Hà đông, Hà Nội	800.000	 Nguyễn Trọng Khoa
2	Phạm Đức Thuận	113016692	Số 6, Tổ 3 phường Chăm Mát, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	471.100	 Phạm Đức Thuận
3	Nguyễn Thị Thu	112105037	Công ty CP Sông Đà 7.04, Thị Trấn Ít Ong, Mường La, Sơn La	110.400	 Nguyễn Thị Thu
4	Nguyễn Thị Thu Hà	113251188	Hòa Bình	16.500	 Nguyễn Thị Thu Hà
Tổng cộng				1.398.000	13,19%

Cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021÷2026 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:

Ông : **Nguyễn Thế Hoàng**

CMND/Hộ chiếu số: 112 336 202 Ngày cấp: 14/5/2006 Nơi cấp: CA Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Đội 2, thôn Bạch Nao, Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (Bằng chữ: Không cổ phần)

Tương ứng: 0 % vốn điều lệ.

làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông: Nguyễn Thế Hoàng

CMND/Hộ chiếu số: 112 336 202 Ngày cấp: 14/5/2006 Nơi cấp: CA Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Đội 2, thôn Bạch Nao, Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần (*Bằng chữ: Không cổ phần*)

Tương ứng: 0% vốn điều lệ.

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

Biên bản này được lập vào lúc 10 giờ 45, ngày 12 /4/2021 tại Phòng 2409 chung cư văn phú Victorya, Phú La, Hà đông, Hà Nội .

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2021
CỔ ĐÔNG (người được đề cử đại diện nhóm)
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thế Hoàng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Thế Hoàng
 - Họ và tên thường dùng: Nguyễn Thế Hoàng
 - Bí danh:
 - Ngày tháng năm sinh: 25/11/1990
 - Nguyên quán: Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội
 - Quốc tịch gốc: Việt Nam
 - Quốc tịch hiện nay: Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội
 - Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội
 - Địa chỉ cư trú hiện nay: Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội
 - Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): 112336202
 - Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài): 14/05/2006 nơi cấp: CA tỉnh Hà Tây
- (Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)*

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
2008-2012	Sinh viên Trường Đại học kinh tế Quốc Dân	Khoa Tài Chính-Ngân Hàng
2012-2016	Kế toán tại Công ty CP Sông Đà 7.04	Kế toán viên
2016-Nay	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH xây dựng Sông Đà 704	Kế toán trưởng

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo):
Cử nhân kinh tế Khoa tài chính ngân hàng trường Đại học kinh tế Quốc Dân

- Khen thưởng:

- Kỹ luật:.....

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác:

- Chức vụ đang giữ (nếu có):

3. Mối Quan hệ gia đình (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: *Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột*):

Bố: Nguyễn Văn Long. Năm sinh: 1965. Nghề nghiệp: làm ruộng tại Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội

Mẹ: Nguyễn Thị Tú. Năm sinh: 1969. Nghề nghiệp: làm ruộng tại Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội

Chị: Nguyễn Thu Hằng. Năm sinh: 1989. Nghề nghiệp: Hộ kinh doanh cá thể tại Đội 2, thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, TP.Hà Nội

Vợ: Phạm Thị Hiền. Năm sinh 1993. Nghề nghiệp: Đại lý bảo hiểm. Chức vụ: Đại lý bảo hiểm tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AVIVA Việt Nam địa chỉ tòa nhà Mipec Tower, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Con: Nguyễn Mạnh Tài. Năm sinh: 2017.

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Hà Nội, Ngày 12 tháng 04 năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Bắc

Nguyễn Thế Hoàng

DANH SÁCH ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BAN KIỂM SOÁT) VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên ứng cử	Giới tính	Quan hệ với ứng cử	CMT/HC/ĐKKD			Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp		
1	Nguyễn Thế Hoàng	Nam		1-CMT	112336202	05/14/06	CA Hà Tây	
-	Phạm Thị Hiền	Nữ	Vợ	1-CMT	017145954	03/14/10	CA TP Hà Nội	
-	Nguyễn Mạnh Tài	Nam	Con					Dưới 15 tuổi
-	Nguyễn Văn Long	Nam	Bố	1-CMT	111385761	03/01/12	CA TP Hà Nội	
-	Nguyễn Thị Tú	Nữ	Mẹ	1-CMT	111510676	07/09/12	CA TP Hà Nội	
-	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	Chị ruột	1-CMT	112336201	05/05/12	CA TP Hà Nội	
-	Phạm Đắc Dân	Nam	Bố vợ	1-CMT	110932485	04/16/11	CA TP Hà Nội	
-	Nguyễn Thị Lam	Nữ	Mẹ vợ	1-CMT	112223362	04/09/05	CA Hà Tây	
-	Phạm Đắc Thắng	Nam	Anh vợ	1-CMT	001090020047	08/08/17	Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
-	Phạm Thị Thủy	Nữ	Chị vợ	1-CMT	017045721	02/15/09	CA TP Hà Nội	
-	Phạm Thị Hà	Nữ	Em vợ	1-CMT	001199009665	07/25/16	Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số **112336202**

Họ tên: **NGUYỄN THẾ HOÀNG**

Sinh ngày: **25-11-1990**

Nguyên quán: **Thanh Văn**
Thanh Cai, Hà Tây

Nơi ĐKKH thường trú: **Thanh Văn**
Thanh Cai, Hà Tây

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

Seo chấm cách **1,2cm**
dưới sau cánh mũi
phải

Ngày: **15 tháng 5 năm 2006**
Giấy này có giá trị tại: **Hà Tây**

CHỨNG THỰC BẢN SAO DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH

NGÀY: **05-04-2021**

SỐ CHỨNG THỰC: 33367 QUYỀN SỐ: **24/CT/BS**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Linh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

BANKING AND FINANCE

Upon: *M* NGUYEN THE HOANG
Date of birth: 25 November 1990
Year of graduation: 2012
Degree classification: Good
Mode of study: Full-time

Hanoi, 20 June 2012

Reg. No: TC.D.50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Cho: *M* NGUYỄN THẾ HOÀNG
CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày sinh: 25-11-1990

NGÀY: 05-04-2012 Năm tốt nghiệp: 2012
Xếp loại tốt nghiệp: Khá
SỐ CHỨNG THỰC: 23.368 **QUYỀN SỐ: 2733CTBS**
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2012



Số hiệu: 321311
GS.TS. Nguyễn Văn Nam

CÔNG CHỨNG MIỀN BẮC
Số vào sổ cấp bằng: TC.D.50
Nguyễn Văn Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 -----o0o-----

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7

Tên tôi là: **Nguyễn Hữu Doanh**

CMND/Hộ chiếu số: 001068013252

Ngày cấp: 14/03/2018

Nơi cấp: Cục ĐKQLDL về DC

Địa chỉ thường trú: Villa I -7 khu nhà ở và TTTM, Phường Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ học vấn: Thạc Sĩ Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 2.602.100 cổ phần Tương ứng: 24,55.% vốn điều lệ.

Đề nghị cho tôi/Chúng tôi đề cử:

T T	Họ và tên	Số CMND/Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Trình độ học vấn	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Anh Lam	040081000284 Cấp ngày 02/06/2016	P. Phú La – Q. Hà Đông – Hà Nội	Kỹ sư thủy lợi	0
2	Bùi Phan Thanh	001081004774. Cấp ngày 02/12/2014	P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội	Cử nhân QTKD	0

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021 – 2026.

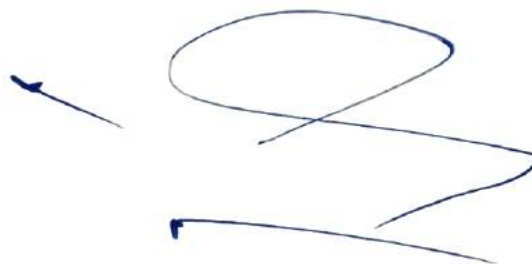
Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Cam kết của ứng viên

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh: NGUYỄN ANH LAM
- Họ và tên thường dùng: NGUYỄN ANH LAM
- Bí danh: Không có
- Ngày tháng năm sinh: 24 / 09 / 1981
- Nguyên quán: Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch gốc: Việt Nam
- Quốc tịch hiện nay: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ cư trú hiện nay: KĐT Văn Phú – Phú La – Hà Đông – Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): 0400 81 000 284
- Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài):
Cấp ngày 02 / 06 / 2016. Nơi Cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
Từ 9/1999 ÷ 7/2004	Sinh viên Đại học Thủy Lợi Hà Nội	Tại số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Từ 8/2004 ÷ 12/2005	Nhân viên Ban KTKH Xí nghiệp Sông Đà 705 - Công ty Sông Đà 7	Làm việc tại CTTĐ Tuyên Quang, xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang
Từ 01/2006 ÷ 12/2006	Nhân viên Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04	Làm việc tại CTTĐ Sơn La, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Từ 01/2007 ÷ 10/2007	Phó trưởng Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04	Làm việc tại CTTĐ Sơn La, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

(Handwritten signature and date 1/2)

Từ 11/2007 ÷ 12/2007	Trưởng ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04	Làm việc tại CTTĐ Sơn La, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Từ 01/2008 ÷ 06/2013	Trưởng phòng KTTH - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Làm việc tại CTTĐ Sơn La, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Từ 07/2013 ÷ 10/2017	Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Làm việc tại CTTĐ Sơn La, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La và một số công trình khác Công ty tham gia
Từ 11/2017 đến nay	Phó Giám đốc - Công ty TNHH SX&TM Bê tông Việt Nam	Làm việc tại Hà Nội

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo): Kỹ sư Kinh tế Thủy Lợi (Khóa 41 – Đại học Thủy Lợi; từ năm 1999-:-2004).
- Khen thưởng: Bằng khen của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương trong phong trào thi đua liên kết xây dựng thủy điện Lai Châu các năm từ 2012-2015.
- Kỷ luật: Không
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác: Phó Giám đốc - Công ty TNHH SX&TM Bê tông Việt Nam
- Chức vụ đang giữ (nếu có): Phó Giám đốc - Công ty TNHH SX&TM Bê tông Việt Nam.

3. Mọi Quan hệ gia đình (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người:

Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột):

- Bố đẻ: Nguyễn Văn Trương. Năm sinh 1957. Nghề nghiệp: Đã mất
- Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hiền. Năm sinh 1959. Nghề nghiệp: Nông nghiệp
- Em trai: Nguyễn Hồng Sơn. Năm sinh: 1983. Nghề nghiệp: Giáo viên
- Em gái: Nguyễn Thị Kiều Thương. Năm sinh: 1986. Nghề nghiệp: CN Xây dựng
- Vợ: Hoàng Thị Huệ. Năm sinh: 1984. Nghề nghiệp: CN Tài chính kế toán
- Con đẻ: Nguyễn Hoàng Minh Thu. Năm sinh: 2010. Nghề nghiệp: Còn nhỏ
- Con đẻ: Nguyễn Hoàng Dũng. Năm sinh: 2017. Nghề nghiệp: Còn nhỏ

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Hà Nội, Ngày 16 tháng 4 năm 2021

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Huyền

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Anh Lam

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7
MÃ CHỨNG KHOÁN: SD7

DANH SÁCH ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên cổ đông	Giới tính	Quan hệ với cổ đông nội bộ	CMT/HC/ĐKKD			Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp		
1	Nguyễn Anh Lam	Nam		2-CCCD	0400 81 000 284	02/06/2016	0	0
2	Hoàng Thị Huệ	Nữ	Vợ	2-CCCD	0351 84 001 108	12/11/2020	0	0
3	Nguyễn Hoàng Minh Thu	Nữ	Con đẻ			Còn nhỏ	0	0
4	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	Con đẻ			Còn nhỏ	0	0
5	Nguyễn Văn Trung	Nam	Cha đẻ			Đã mất	0	0
6	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	Mẹ đẻ	1-CMT	181 127 612	07/06/2016	0	0
7	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	Em ruột	1-CMT	186 182 013	07/01/2003	0	0
8	Nguyễn Thị Kiều Thương	Nữ	Em ruột	2-CCCD	0401 86 000 491	10/06/2016	0	0
9	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	Em dâu	1-CMT	186 983 898	07/09/2010	0	0
10	Đào Mạnh Quân	Nam	Em rể	1-CMT	012 475 217	06/11/2008	0	0
11	Hoàng Văn Sinh	Nam	Cha vợ			Đã mất	0	0
12	Nguyễn Thị Luận	Nữ	Mẹ vợ	1-CMT	168 588 962	13/02/2015	0	0
13	Hoàng Thị Luận	Nữ	Chị vợ	2-CCCD	0351 71 000 351	07/04/2016	0	0
14	Hoàng Văn Quang	Nam	Anh vợ	2-CCCD	0350 76 003 432	13/08/2019	0	0
15	Hoàng Thị Hương	Nữ	Chị vợ	2-CCCD	0351 77 000 295	14/10/2019	0	0
16	Hoàng Thị Hương	Nữ	Chị vợ	1-CMT	025 225 655	20/05/2010	0	0
17	Hoàng Thị Huệ	Nữ	Chị vợ	2-CCCD	035 182 001 716	02/12/2016	0	0
18	Nguyễn Hữu Bình	Nam	Anh rể	2-CCCD	0330 68 000 784	07/04/2016	0	0
19	Vũ Thị Minh Huyền	Nữ	Chị dâu	2-CCCD	0351 84 001 398	27/07/2016	0	0
20	Cao Xuân Thắng	Nam	Anh rể	2-CCCD	0350 72 001 030	22/12/2016	0	0
21	Nguyễn Hữu Công	Nam	Anh rể	2-CCCD	040 076 000 819	25/04/2019	0	0
22	Đỗ Công Thuận	Nam	Anh rể	2-CCCD	035 074 001 023	02/12/2016	0	0

Hà Nội, Ngày 16 Tháng 4 Năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Anh Lam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Số: 040081000284

Họ và tên: **NGUYỄN ANH LAM**

Ngày, tháng, năm sinh: 24/09/1981

Giới tính: **Nam** Quốc tịch: **Việt Nam**

Quê quán: **Phủ Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An**

Nơi thường trú: **CT9 ĐT Mới Văn Phú, Phú La
Hà Đông, Hà Nội**

Có giá trị đến: 24/09/2021

BẢN SAO

Đặc điểm nhận dạng: **Nốt ruồi cách 3cm dưới sau
đuôi mắt phải** 0982547802

Ngày 02 tháng 06 năm 2016

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
ĐKQL CƯ TRÚ VÀ ĐÓNG VÉ DẠNG CƯ

Trần Quốc Sáng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 07-04-2021

Số CT 2 04 07 Quyền số 01 STC/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Thủy Lợi
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

Loại hình đào tạo..... CHỈNH QUY
ngành..... Kinh tế Thủy lợi
hạng..... Trung bình Khá..... năm tốt nghiệp..... 2004
và công nhận danh hiệu



Số vào sổ

Số hiệu bằng
B 540927

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ký SƯ THỦY LỢI

NGUYỄN ANH LÂM

cho..... sinh ngày..... 24/09/1981..... tại.....
Hà Nội..... ngày..... 15 tháng..... 6 năm..... 2004
Nghệ An

Chữ ký của người được cấp **Nhân** 07-04-2021

Số C? 0406..... Quyền số 01



GS.TS LÊ KIM TRUYỀN

Họ và tên.....
Khoa trưởng



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thuỳ Trang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- Họ và tên khai sinh: **BUI PHAN THANH.**
- Họ và tên thường dùng: **BUI PHAN THANH.**
- Bí danh: **Không.**
- Ngày tháng năm sinh: **19/02/1981.**
- Nguyên quán: **Văn Phong – Nho Quan – Ninh Bình.**
- Quốc tịch gốc: **Việt Nam.**
- Quốc tịch hiện nay: **Việt Nam.**
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: **TDP. Tân Nhuệ - P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội.**
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: **TDP. Tân Nhuệ - P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội.**
- Địa chỉ cư trú hiện nay: **Nhà số 02 – Ngách 22 – Ngõ 60 – Đường Hoàng Tăng Bí – TDP. Tân Nhuệ - P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội.**
- Số chứng minh nhân dân (số hộ chiếu đối với người nước ngoài): **001081004774.**
- Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài): **Cấp ngày: 02/12/2014. Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLĐLQG về dân cư.**

(Trường hợp cá nhân được cử là người đại diện quản lý số vốn cổ phần của pháp nhân phải kê khai và bổ sung tên và địa chỉ pháp nhân)

2. Quá trình hoạt động bản thân:

Từ năm 18 tuổi đến nay	Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (làm gì, ở đâu)	Tóm tắt đặc điểm chính
1999 ÷ 6/2003	Sinh viên. Sống phụ thuộc vào gia đình	
11/2003 ÷ 4/2004	Ban tổ chức hành chính – Xí nghiệp Sông Đà 8.08 – Công ty Sông Đà 8	
4/2004 ÷ 5/2009	Ban tổ chức hành chính – Chi nhánh Sông Đà 8.09 – Công ty cổ phần Sông Đà 8.	
6/2009 ÷ 11/2010	Ban tổ chức hành chính – Chi nhánh Sông Đà 8.07 – Công ty cổ phần Sông Đà 8	
12/2010 ÷ 12/2011	Ban tổ chức hành chính – Chi nhánh Sông Đà 8.02 – Công ty cổ phần Sông Đà 8	
01/2012 ÷ 04/2012	Ban tổ chức hành chính – Chi nhánh Sông Đà 8.04 – Công ty cổ phần Sông Đà 8	
05/2012 ÷ 04/2016	Phòng tổ chức hành chính – Công ty cổ	

	phần Sông Đà 8	
05/2016 ÷ nay	Phòng tổ chức nhân sự - Công ty cổ phần Sông Đà 7	

- Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ (ghi rõ khoá học, thời gian đào tạo):

Cử nhân Quản trị kinh doanh.

- Khen thưởng: **Không.**

- Kỷ luật: **Không.**

- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác, bao gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức đoàn thể, chính trị, tổ chức tín dụng khác: Ủy viên Ủy ban kiểm tra – Đảng ủy Công ty cổ phần Sông Đà.

- Chức vụ đang giữ (nếu có): Nhân viên phòng tổ chức nhân sự - Công ty cổ phần Sông Đà 7.

3. Mối Quan hệ gia đình (Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ, nơi làm việc của từng người: Bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quan hệ	Nghề nghiệp	Nơi làm việc/Nơi ở
1	Bùi Đình Truyền	1956	Bố đẻ	Nghỉ hưu	P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội
2	Phan Thị Khóa	1958	Mẹ đẻ	Nghỉ hưu	P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội
3	Bùi Thanh Bình	1986	Em ruột	KS XDCTN&M	Công ty cổ phần đầu tư phát triển SCO
4	Phan Thị Hà My	1985	Vợ	Giảng viên	Học viện Tài chính
5	Bùi Vân Hà Khanh	2012	Con ruột	Học sinh	P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội
6	Bùi Bảo An	2019	Con ruột	Còn nhỏ	P. Thụy Phương – Q. Bắc Từ Liêm – Hà Nội

4. Cam kết trước pháp luật:

- Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận của thủ trưởng cơ quan
(nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân)
hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân)

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

Chu Thị Chiến

Phan Thanh
Bùi Phan Thanh

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số: 001081004774

Họ và tên khai sinh: **BÙI PHAN THANH**
Họ và tên gọi khác:

Ngày, tháng, năm sinh: 19/02/1981
Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nho Quan, Ninh Bình

Nơi thường trú: TDP Tân Nhuê, Thụy Phương
Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Có giá trị đến: 02/12/2029

Đặc điểm nhân dạng: Nổi ruồi C:1cm trên sau cánh mũi phải

Ngày 02 tháng 12 năm 2014
CỤC TRƯỞNG CỤC PHÒNG AN
ĐKQL CỬ TRUYỀN BLOGGER DAN CỬ

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7 TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 29-07-2020

Vũ Xuân Dung

Số:.....29005.....Quyển.....SCT/BS

PHÁP THÀNH PHỐ
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 7

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Hồng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

.....
Đại học Thăng Long
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Loại hình đào tạo CHỨNG QUY
ngành *Quản lý kinh doanh*
hạng *Trung bình* *Khá* *Đạt* *Tốt nghiệp* 2003
và công nhân danh hiệu

.....
Đã nhận kinh tế
.....



Số hiệu bằng

H 019262

Số vào sổ

745/82

Chữ ký của người được cấp bằng

Khoa trưởng

Hiệu trưởng

sinh ngày

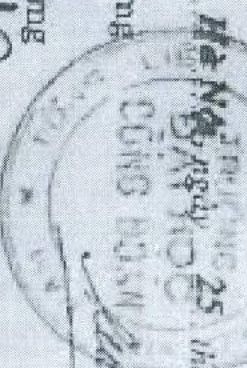
Bùi Thanh Thanh
19/02/81

lại

Hà Nội

Hà Nội
25 tháng

06 năm 2003



PEC.15

Trưởng Khoa

DANH SÁCH ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BAN KIỂM SOÁT) VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên ứng cử	Giới tính	Quan hệ với ứng cử	CMT/HC/ĐKKD			Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
				Loại	Số	Ngày cấp		
1	BÙI PHAN THANH	Nam		CMT	01081004774	02/12/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	
2	BÙI ĐÌNH TRUYỀN	Nam	Bố đẻ	CCCD	37056001708	14/01/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	
3	PHAN THỊ KHỎA	Nữ	Mẹ đẻ	CMT	37158000031	18/12/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	
4	PHAN THỊ HÀ MY	Nữ	Vợ	CMT	25185000127	08/12/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	
5	BÙI VĂN HÀ KHANH	Nữ	Con ruột					Dưới 14 tuổi
6	BÙI BẢO AN	Nam	Con ruột					Dưới 14 tuổi
7	BÙI THANH BÌNH	Nam	Em ruột	CMT	01086009556	04/12/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	
8	ĐÀO THỊ QUỲNH	Nữ	Em dâu	CMT	013144238	21/06/2011	CA. Hà Nội	
9	PHAN HOÀNG ANH	Nam	Bố vợ	CMT	013171513	19/03/2009	CA. Hà Nội	
10	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	Mẹ vợ	CMT	012110871	08/06/2011	CA. Hà Nội	
11	PHAN ĐỨC HOÀNG	Nam	Anh vợ	CCCD	025083000542	14/07/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	
12	LÊ THỊ HOA	Nữ	Chị dâu	CCCD	001184014985	10/06/16	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & QLĐLQG về dân cư	

..... ngày.....tháng.....năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)


Bùi Phan Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
V/v: Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Sông Đà 7 thông qua ngày 29/04/2021.

I. Thời gian và địa điểm.

Vào hồi 11h 10' ngày 29/04/2021, tại Công ty cổ phần Sông Đà 7, số 36, V5A, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

II. Thành phần dự họp gồm:

Chủ tọa cuộc họp: Ông Nguyễn Hữu Doanh – TV.HDQT nhiệm kỳ 2021-2026

Thư ký cuộc họp: Bà Chu Thị Chiến - Thư ký HDQT

1. Hội đồng quản trị: có mặt 03/03 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Hữu Doanh: TV.HDQT nhiệm kỳ 2021-2026
- Ông Trần Văn Tài: TV.HDQT nhiệm kỳ 2021-2026
- Ông Quát Văn Quang: TV.HDQT nhiệm kỳ 2021-2026

III. Nội dung cuộc họp: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi nghe ông Nguyễn Hữu Doanh – Chủ tọa cuộc họp phát biểu chỉ đạo cuộc họp, các thành viên HDQT nhiệm kỳ 2021-2026 đã phát biểu ý kiến và thảo luận chi tiết.

Thông nhất bầu ông Nguyễn Hữu Doanh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026, tỷ lệ biểu quyết tán thành: 03/03, đạt 100%.

Biên bản này được công bố ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và được lưu tại văn phòng Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 10' cùng ngày và được các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua và ký tên.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Chu Thị Chiến

CHỦ TOA CUỘC HỌP



Nguyễn Hữu Doanh

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Ông: Quát Văn Quang.....

2. Ông: Trần Văn Tài.....



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

V/v: Bầu trưởng Ban kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7;
- Căn cứ kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Sông Đà 7 thông qua ngày 29/04/2021.

I. Thời gian và địa điểm.

Vào hồi 11 h 00' ngày 29/04/2021, tại Công ty cổ phần Sông Đà 7, số 36, V5A, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

II. Thành phần dự họp gồm:

Chủ tọa cuộc họp: Ông Nguyễn Thế Hoàng – TV.BKS nhiệm kỳ 2021-2026

Thư ký cuộc họp: Bà Chu Thị Chiến - Thư ký HĐQT

1. Ban kiểm soát: có mặt 3/3 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Thế Hoàng: TV.BKS nhiệm kỳ 2021-2026
- Ông Bùi Phan Thanh: TV.BKS nhiệm kỳ 2021-2026
- Ông Nguyễn Anh Lam: TV.BKS nhiệm kỳ 2021-2026

III. Nội dung cuộc họp: Bầu trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi nghe ông Nguyễn Thế Hoàng – Chủ tọa cuộc họp phát biểu chỉ đạo cuộc họp, các thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 đã phát biểu ý kiến và thảo luận chi tiết.

Thông nhất bầu ông Nguyễn Thế Hoàng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7 nhiệm kỳ 2021-2026, tỷ lệ biểu quyết tán thành: 3/3, đạt 100%.

Biên bản này được công bố ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và được lưu tại văn phòng Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 10' cùng ngày và được các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua và ký tên.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Chu Thị Chiên

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Nguyễn Thế Hoàng

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

1. Ông: Bùi Phan Thanh.....

2. Ông: Nguyễn Anh Lam.....